**Câu 1. Chị L muốn biết Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ có quy định xử phạt đối với người điều khiển các loại máy kéo, các loại xe tương tự xe ô tô, các loại xe tương tự xe mô tô, xe máy điện, các loại xe tương tự xe gắn máy, xe máy điện. Xin hãy làm rõ những loại phương tiện này để phân biệt trên thực tế?**

**Trả lời:**

Theo quy định khoản 1 Điều 3 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP:

a) Máy kéo là loại xe gồm phần đầu máy tự di chuyển, được lái bằng càng hoặc vô lăng và rơ moóc được kéo theo (có thể tháo rời với phần đầu kéo);

b) Các loại xe tương tự xe ô tô là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ hai trục, bốn bánh xe trở lên, có phần động cơ và thùng hàng (nếu có) lắp trên cùng một xát xi (kể cả loại xe 4 bánh chạy bằng năng lượng điện);

c) Các loại xe tương tự xe mô tô là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh, có dung tích làm việc của động cơ từ 50 cm3 trở lên, có vận tốc thiết kế lớn nhất lớn hơn 50 km/h, có khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg;

d) Xe máy điện là xe gắn máy được dẫn động bằng động cơ điện có công suất lớn nhất không lớn hơn 4 kW, có vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h;

đ) Các loại xe tương tự xe gắn máy là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh và vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h, trừ các xe quy định tại điểm e khoản này;

e) Xe đạp máy là xe thô sơ hai bánh có lắp động cơ, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 25 km/h và khi tắt máy thì đạp xe đi được (kể cả xe đạp điện).

**Câu 2. Anh B huyện X muốn biết khi tôi lái xe ô tô đi trên đường mà không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường thì bị XPVP như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô mà không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ một số hành vi bị xử phạt theo quy định khác.

**Câu 3. Anh Đ điều khiển xe ô tô tham gia giao thông mà khi chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ thì có bị xử phạt không? Nếu có mức xử phạt là bao nhiêu?**

**Trả lời**:

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP: người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô mà chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ bị xử phạt từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng.

**Câu 4. Chị T điều khiển xe ô tô khi tham gia giao thông chị đã dừng xe không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết. Hành vi của chị có bị xử phạt không? Nếu có mức phạt là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

 Hành vi của chị đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ và bị xử phạt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm:

Khi dừng xe, đỗ xe không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết;

**Câu 5. Anh N lái xe taxi, anh xin hỏi nếu chở nhiều người ngồi trên buồng lái thì bị phạt tiền bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Với hành vi này sẽ bị xử phạt theo điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

“2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

c) Chở người trên buồng lái quá số lượng quy định”

So với Nghị định số 46/2016/NĐ-CP quy định mức phạt đối với hành vi này từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng, Nghị định mới đã tăng mức phạt lên đến 600.000 đồng.

**Câu 6. Anh T muốn biết đối với các xe không phải xe ưu tiên mà người lái xe ô tô bấm còi, rú ga liên tục, sử  dụng đèn chiếu xa trong khu dân cư bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi trên bị xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

“3. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

b) Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định”.

Trước ngày 01/01/2020, theo Nghị định 46/2016/NĐ-CP hành vi này bị xử phạt với mức từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng. Như vậy, mức phạt mới đã tăng so với trước.

**Câu 7. Chị H ngồi trên xe ô tô không thắt dây an toàn khi xe đang chạy có bị xử phạt vi phạm không? Nếu bị phạt thì chị bị xử phạt với mức phạt là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Hành vi này của chị vi phạm quy tắc giao thông đường bộ và bị xử phạt theo quy định tại điểm p, điểm q khoản 2 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

“3. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

p) Không thắt dây an toàn khi điều khiển xe chạy trên đường;

q) Chở người trên xe ô tô không thắt dây an toàn (tại vị trí có trang bị dây an toàn) khi xe đang chạy;”

**Câu 8. Chị T muốn hỏi có nhiều người vẫn có thói quen dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang lái xe ô tô, xe máy thì hành vi này bị xử phạt như thế nào theo quy định?**

**Trả lời:**

Hành vi này bị xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP:

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

a) Dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe chạy trên đường;

**Câu 9. Anh B lái xe không đủ điều kiện để thu phí tự động không dừng đi mà chị chạy vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức tự động không dừng tại các trạm thu phí, hành vi này có bị xử phạt không? Nếu có mức phạt là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP:

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

c) Điều khiển xe không đủ điều kiện để thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí;

Đây là một hành vi mới được quy định bổ sung trong Nghị định 100/2019/NĐ-CP, các nghị định cũ chưa quy định đối với hành vi này.

**Câu 10. Chị H muốn biết khi người tham gia giao thông có hành vi lái xe ô tô, gắn máy vượt đèn đỏ, đèn vàng hay không chấp hành hiệu lệnh của CSGT bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi sẽ bị xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP:

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;

b) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

Mức phạt này đã tăng so với quy định cũ tại Nghị định số 46/2016/NĐ-CP (từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng).

Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định người thực hiện hành vi này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng theo điểm b khoản 11 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

**Câu 11. Anh K lái xe ô tô chạy quá tốc độ thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Tùy theo mức độ vượt quá tốc độ quy định, hành vi này của anh bị xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm i khoản 5, điểm a khoản 6, hay điểm c khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

*3. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;*

Mức phạt  này đã tăng so với quy định tại Nghị định 46/2016/NĐ-CP (từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng).

*5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*i) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h.*

Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định người thực hiện hành vi này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng theo điểm b khoản 11 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

*6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h;*

Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định người thực hiện hành vi này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng theo điểm c khoản 11 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

Mức phạt này tăng so với quy định tại Nghị định 46/2016/NĐ-CP (phạt tiền từ 5- 6 triệu đồng và tước bằng từ 1 đến 3 tháng**)**

*7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*c) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h.*

Ngoài việc bịphạt tiền theo quy định người thực hiện hành vi này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng theo điểm c khoản 11 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

Mức phạt này tăng so với quy định tại Nghị định 46/2016/NĐ-CP (từ 7 triệu đến 8 triệu đồng)

Như vậy có 4 khung hình phạt đối với hành vi chạy quá tốc độ với mức phạt tối đa lên đến 12.000.000 đồng.

**Câu 12. Anh B muốn biết mức phạt tiền đối với hành vi lái xe ô tô sau khi uống rượu khi tham gia giao thông, vậy mức phạt cụ thể như thế nào?**

**Trả lời:**

Tùy thuộc vào mức độ của  nồng độ cồn trong máu, khí thở mà hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo các quy định tại: điểm c khoản 6, điểm c khoản 8, điểm a khoản 10 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

*6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.* (Mức phạt cũ: 2- 3 triệu, tước giấy phép lái xe từ 2-4 tháng nếu gây tai nạn giao thông)

Ngoài việc bị phạt tiền người thực hiện hành vi này còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 10 đến 12 tháng theo quy định tại điểm e khoản 11 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

*8. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. (*Mức phạt cũ: 7 - 8 triệu, tước giấy phép lái xe từ 3-5 tháng*).*

Ngoài việc bị phạt tiền người thực hiện hành vi này còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 16 đến 18 tháng theo quy định tại điểm g khoản 11 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

*10. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

*a) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;*(Mức phạt cũ từ 16 -18 triệu, tước GPLX từ 4 – 6 tháng)

Ngoài việc bị phạt tiền người thực hiện hành vi này còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 đến 24 tháng theo quy định tại điểm h khoản 11 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

Trong thời gian tới, khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn sẽ bị xử phạt theo quy định.

**Câu 13.  Chị N thấy nhiều người đi xe máy trên đường không xi nhan khi chuyển làn, hành vi này có bị xử phạt không? Vậy mức xử phạt các hành vi này quy định như thế nào?**

**Trả lời**:

Hành vi chị hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, cụ thể:

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

i) Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

Mức phạt này theo quy định mới đã tăng so với quy định cũ tại NĐ 46/2016/NĐ-CP (từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng)

**Câu 14. Anh Đ đi xe máy trên đường không báo hiệu khi rẽ trái, rẽ phải thì anh bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 NĐ 100/2019/NĐ-CP, cụ thể:

3. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

a) Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức);

**Câu 15. Chị V đi xe máy trên đường chở theo 2 người lớn thì bị xử phạt bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Hành vi trên bị xử phạt theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

l) Chở theo 02 người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

Như vậy trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi pham pháp luật thì người đi xe máy chở theo 2 người bị phạt từ 200.000 đến 300.000 đồng.

**Câu 16. Chị H thấy nhiều bạn trẻ vừa đi xe máy vừa đeo tai nghe, xin hỏi hành vi này bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi trên bị xử phạt theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ\_CP:

4. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

h) Người đang điều khiển xe sử dụng ô (dù), điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính.

**Câu 17. Anh K đi xe máy vượt đèn đỏ, đèn vàng thì anh bị xử phạt như thế nào? Mức xử phạt là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm e khoản 4 Điêu 6 NĐ 100/2019/NĐ-CP:

4. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

e) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông

Mức phạt đối với hành vi này cao hơn so với quy định cũ tại NĐ 46/2016/NĐ-CP từ 300.000 đến 400.000 đồng.

**Câu 18. Chị X muốn biết nếu chị đi xe máy thường không mang theo giấy đăng ký xe (cà vẹt), giấy phép lái xe khi đi đường vì sợ mất, khi bị lực lượng CSGT kiểm tra thì chị có vi phạm và bị xử phạt hay không?**

**Trả lời:**

Hành vi của bạn bị xử phạt theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới:

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

b) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe;

c) Người điều khiển xe mô tô và các loại xe tương tự xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5, điểm c khoản 7 Điều này (Có Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp) nhưng không mang theo Giấy phép lái xe quốc gia).

Mức phạt đối với hành vi này đã tăng nhiều so với quy định cũ tại NĐ 46/2016/NĐ-CP từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng

**Câu 19. Chị H hỏi là con chị là thanh niên mới 17 tuổi đi xe máy thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi nêu trên có thể bị xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

4. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm3 trở lên;

b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

c) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô có Giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 06 tháng.

**Câu 20. Chị L khi đi xe máy ra đường mà không có bảo hiểm mà bị Cảnh sát giao thông bắt thì bị phạt bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Hành vi chị hỏi bị xử phạt theo điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP: Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau đây:

a) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

**Câu 21.  Anh V hỏi theo quy định hành vi đi xe máy không đội mũ bảo hiểm bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm i, điểm k khoản 2 Điều 6 NĐ 100/2019/NĐ-CP: Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

i) Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ;

k) Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

**Câu 22. Chị Đ đi xe máy trên đường mà dừng đỗ xe không đúng nơi quy định thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm a, điểm đ, điểm h khoản 2 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ:

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường;

đ) Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 xe trở lên ở lòng đường, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật;

h) Dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện, điểm dừng đón trả khách của xe buýt, nơi đường bộ giao nhau, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe tại nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt, trừ hành vi để phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt, Để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở giao thông đường sắt.

**Câu 23. Anh Q đi dự tiệc nhà người bạn, hành vi đi xe máy sau khi uống rượu bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Tùy theo mức độ của nồng độ cồn trong máu, hơi thở, hành vi này bị phạt theo các quy định tại điểm c khoản 6, điểm c khoản 7, điểm e khoản 8 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ với các mức phạt tương ứng như sau:

6. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở. ( NĐ 46/2016 không phạt đối với hành vi này)

Ngoài ra theo điểm đ khoản 10 Điều 6 người thực hiện hành vi này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng;

7. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. ( NĐ 46 phạt từ 1-2 triệu đồng)

Ngoài ra theo điểm e khoản 10 Điều 6 người thực hiện hành vi này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng.

8. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

e) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; (NĐ 46 phạt từ 3 -4 triệu đồng).

Ngoài ra theo điểm g khoản 10 Điều 6 người thực hiện hành vi này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xetừ 22 tháng đến 24 tháng.

**Câu 24. Anh T đi xe máy chạy quá tốc độ cho phép thì anh T bị xử phạt như thế nào theo quy định?**

**Trả lời:**

Hành vi này bị xử phạt theo mức độ vượt quá tốc độ cho phép theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm a khoản 4, điểm a khoản 7 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ với các mức phạt tương ứng như sau:

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

c) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

4. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

7. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h; (Ngoài ra điểm c khoản 10 Điều 6 người thực hiện hành vi này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng)

**Câu 25. Chị Đ thấy nhiều người đi xe máy trên đường không nhường đường cho xe cứu thương, xin hỏi hành vi này bị xử phạt thế nào?**

Trả lời:

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ với các mức phạt tương ứng như sau:

4. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

đ) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

**Câu 26. Anh A muốn biết hành vi đi xe máy mà buông cả hai tay, đi lạng lách, đánh võng hay đi xe trên một bánh thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Những hành vi anh hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm a, b, c khoản 8 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ với các mức phạt tương ứng như sau

8. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe;

b) Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

c) Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

Ngoài ra theo điểm c khoản 10 Điều 6, người thực hiện hành vi này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng

**Câu 27. Trong trường hợp học sinh đi xe đạp điện trên đường thường vượt đèn đỏ, dừng xe đột ngột, chuyển hướng mà không có báo hiệu trước, anh T muốn hỏi hành vi này có bị xử phạt không?**

**Trả lời:**

Hành vi chị hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ

1. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

b) Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước; (NĐ 46/2016 xử phạt đối với hành vi này từ 50.000 đến 60.000 đồng)

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

đ) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông. (từ 60.000 đến 80.000 đồng).

**Câu 28. Chồng chị P muốn biết là sau khi uống rượu mà chồng chị đi xe đạp lưu thông trên đường thì có bị xử phạt vi phạm không?**

**Trả lời:**

Hành vi chị hỏi bị xử phạt tùy thuộc vào mức độ nồng độ cồn trong máu, hơi thở theo các quy định: điểm q khoản 1, điểm e khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ:

1. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

q) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

e) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

4. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;

**Câu 29. Chị B hỏi người đi bộ tham gia giao thông bị xử phạt trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Người đi bộ tham gia giao thông bị xử phạt trong các trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định 100/2019/NĐ-CP xử phạt người đi bộ vi phạm quy tắc giao thông đường bộ:

1. Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người đi bộ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đi đúng phần đường quy định; vượt qua dải phân cách; đi qua đường không đúng nơi quy định hoặc không bảo đảm an toàn;

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ hành vi vi phạm trên đường cao tốc.

c) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

d) Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông;

đ) Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người đi bộ đi vào đường cao tốc, trừ người phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

**Câu 30: Bà T muốnhỏi theo Nghị định 100 quy định đối với người đi xe đạp có hành vi vi phạm khi tham gia giao thông, vậy những hành vi vi phạm mới đó là gì, mức phạt bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Nghị định [100/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-100-2019-nd-cp-xu-phat-vi-pham-giao-thong-179619-d1.html#chidanthaydoi) có nhiều quy định mới với người đi xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác. Có thể kể đến

1. Những quy định xử phạt người [đi xe đạp uống rượu, bia](https://luatvietnam.vn/tin-van-ban-moi/nghi-dinh-100-2019-nd-cp-da-co-muc-phat-voi-nguoi-di-xe-dap-uong-ruou-bia-186-23404-article.html):

Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;

2. Một số quy định mới khác:

- Phạt từ 200.000 - 300.000 đồng nếu điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không có tác dụng (điểm a khoản 2 Điều 18); trước đây không có quy định.

-  Phạt từ 80.000 - 100.000 đồng nếu không đi về bên phải theo chiều đi của mình, không đi đúng phần đường quy định (điểm a khoản 1 Điều 8); trước đây chỉ bị phạt 50.000 - 60.000 đồng.

- Phạt từ 100.000 - 200.000 đồng nếu không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của cảnh sát giao thông (điểm b khoản 2 Điều 8); trước đây chỉ bị phạt 80.000 - 100.000 đồng;

- Phạt từ 100.000 - 200.000 đồng nếu vượt đèn đỏ (điểm đ khoản 2 Điều 8); trước đây chỉ bị phạt 60.000 - 80.000 đồng…

Với một loại xe thô sơ khác là xích lô, Nghị định này cũng quy định trường hợp điều khiển xích lô chở khách, chở hàng không đảm bảo tiêu chuẩn về tiện nghi và vệ sinh theo quy định của địa phương sẽ bị phạt tiền từ 200.000 - 300.000 đồng.

**Câu 31: Ông B, hưu trí phường X, TP C muốn biết “Có quy định việc bảo vệ môi trường của người điều khiển phương tiên tham gia giao thông không? Tôi thấy nhiều xe ô tô chở vật liệu xây dựng để rơi vãi vật liệu trên đường gây nguy hiểm cho người khác khi tham gia giao thông có bị xử phạt vi phạm hành chính không?”**

**Trả lời:**

Bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông là trách nhiệm của mọi người khi điều khiển phương tiên tham gia giao thông. Điều 20 Nghị định 100, có quy định việc xử phạt người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy định về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông. Cụ thể:

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không đáp ứng yêu cầu về vệ sinh lưu thông trong đô thị.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Để dầu nhờn, hóa chất rơi vãi xuống đường bộ;

b) Chở hàng rời, chất thải, vật liệu xây dựng dễ rơi vãi mà không có mui, bạt che đậy hoặc có mui, bạt che đậy nhưng vẫn để rơi vãi; chở hàng hoặc chất thải để nước chảy xuống mặt đường gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường;

c) Lôi kéo bùn, đất, cát, nguyên liệu, vật liệu hoặc chất phế thải khác ra đường bộ gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải ra đường phố.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện 1 số hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng. Và bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải thu dọn rác, chất phế thải, vật liệu; khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 32. Chị T hỏi vì hoàn cảnh gia đình, chị  buôn bán hàng rong, vậy  “ Hành vi bán hàng rong, bán hàng hóa nhỏ lẻ trên vỉa hè các tuyến phố bị xử phạt như thế nào”**

**Trả lời:**

Theo Nghị định [100/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-100-2019-nd-cp-xu-phat-vi-pham-giao-thong-179619-d1.html#chidanthaydoi) có quy định Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ tại Điều 12. Cụ thể đối với hành vi chị hỏi:

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a. Bán hàng rong hoặc bán hàng hóa nhỏ lẻ khác trên lòng đường đô thị, trên vỉa hè các tuyến phố có quy định cấm bán hàng, trừ các hành vi : Chiếm dụng dải phân cách giữa của đường đôi làm nơi: Bày, bán hàng hóa; để vật liệu xây dựng; Sử dụng trái phép lòng đường đô thị, hè phố để: Họp chợ; kinh doanh dịch vụ ăn uống; bày, bán hàng hóa; sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị; rửa xe; đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo; xây, đặt bục bệ; làm mái che hoặc thực hiện các hoạt động khác gây cản trở giao thông; Bày, bán máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng hoặc sản xuất, gia công hàng hóa trên lòng đường đô thị, hè phố;

**Câu 33. Chị L thấy nhiều người phơi thóc, lúa, rơm rạ trên đường bộ có bị xử phạt không?**

**Trả lời:**

Theo Nghị định [100/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-100-2019-nd-cp-xu-phat-vi-pham-giao-thong-179619-d1.html#chidanthaydoi) có quy định Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ tại Điều 12. Cụ thể đối với hành vi chị hỏi:

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

b) Phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ; đặt máy tuốt lúa trên đường bộ.

Ngoài ra, người thực hiện hành bi này buộc phải thu dọn thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản, thiết bị trên đường bộ;theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 12 NĐ.

**Câu 34. Anh Đ hỏi hành vi trồng cây trong phạm vi đất dành cho đường bộ làm che khuất tầm nhìn bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Nghị định [100/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-100-2019-nd-cp-xu-phat-vi-pham-giao-thong-179619-d1.html#chidanthaydoi) có quy định Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ tại Điều 12. Cụ thể đối với hành vi anh hỏi:

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

b) Trồng cây trong phạm vi đất dành cho đường bộ làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông;

Ngoài ra người thực hiện hành vi này buộc phải di dời cây trồng không đúng quy định và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 12 NĐ.

**Câu 35. Một thương nhân kinh doanh mặt hàng tôm, cá ở chợ X có hành vi xả nước ra đường bộ không đúng nơi quy định bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

đ) Xả nước ra đường bộ không đúng nơi quy định, trừ hành vi xả nước thải xây dựng từ các công trình xây dựng ra đường phố.

Ngoài ra người thực hiện hành vi này buộc phải thu dọn vật tư, vật liệu, hàng hóa và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 12 NĐ.

**Câu 36. Công ty N có hành vi treo băng rôn, biểu ngữ trái phép, treo biển hiệu, biển quảng cáo trên đất của đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều 12 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

c) Treo băng rôn, biểu ngữ trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ;

d) Đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo trên đất của đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị, trừ các hành vi dựng biển quảng cáo trên đất hành lang an toàn đường bộ khi chưa được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản hoặc dựng biển quảng cáo trên phần đất dọc hai bên đường bộ dùng để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

Ngoài ra người thực hiện hành vi này buộc phải thu dọn rác, chất phế thải, phương tiện, vật tư, vật liệu, hàng hóa, máy móc, thiết bị, biển hiệu, biển quảng cáo, các loại vật dụng khác và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 12 NĐ.

**Câu 37. Một số hộ dân ở đường Nguyễn Văn X có hành vi đổ rác ra đường bộ không đúng nơi quy định được chính quyền địa phương tuyên truyền, nhắc nhở nhiều lần, những không chấp hành, vẫn vi phạm. Trong trường hợp này bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 4 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP:

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi đổ rác ra đường bộ không đúng nơi quy định, trừ các hành vi vi phạm: Đổ, để trái phép vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ; người điều khiển xe đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị; người điều khiển xe thực hiện hành vi đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải ra đường phố.

Ngoài ra người thực hiện hành vi này buộc phải thu dọn rác, chất phế thải, phương tiện, vật tư, vật liệu, hàng hóa, máy móc, thiết bị, biển hiệu, biển quảng cáo, các loại vật dụng khác và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 12 NĐ.

**Câu 38. Anh A ở chợ B muốn biết quán ăn ở chợ anh đang sinh sống có hành vi chiếm dụng lòng đường làm nơi trông, giữ xe không đúng quy định, vậy trường hợp này bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo điểm c, điểm d khoản 5, khoản 7, điểm a khoản 8 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP:

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

c) Chiếm dụng lòng đường đô thị hoặc hè phố dưới 05 m2 làm nơi trông, giữ xe;

d) Chiếm dụng phần đường xe chạy hoặc lề đường của đường ngoài đô thị dưới 20 m2 làm nơi trông, giữ xe.

7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi chiếm dụng lòng đường đô thị hoặc hè phố từ 10 m2 đến dưới 20 m2 làm nơi trông, giữ xe.

8. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chiếm dụng lòng đường đô thị hoặc hè phố từ 20 m2 trở lên làm nơi trông, giữ xe;

**Câu 39. Hành vi sử dụng trái phép đất của đường bộ làm nơi tập kết hoạch trung chuyển hàng hóa bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm đ khoản 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP:

6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

d) Sử dụng trái phép đất của đường bộ hoặc hành lang an toàn đường bộ làm nơi tập kết hoặc trung chuyển hàng hóa, vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, các loại vật dụng khác;

**Câu 40. Công ty cấp thoát nước ở huyện A thi công trên đường bộ đang khai thác không treo biển báo thông tin công trình, anh B hỏi trường hợp này bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi trên bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 250.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi thi công trên đường bộ đang khai thác không treo biển báo thông tin công trình hoặc treo biển báo thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định.

Ngoài ra, người thực hiện hành vi này buộc phải treo biển báo thông tin công trình có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 13 NĐ.

**Câu 41. Hành vi để vật liệu, đất đá, phương tiện thi công ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông ? trường hợp này bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 ĐIều 13 NĐ 100/2019/NĐ-CP:

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

c) Để vật liệu, đất đá, phương tiện thi công ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông;

Ngoài ra, người thực hiện hành vi này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra tại điểm c khoản 7 Điều 13 NĐ.

**Câu 42. Công ty A ở xã N có hành vi tổ chức thi công trên đường bộ đang khai thác xây dựng cầu không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toan giao thông để xảy ra tai nạn giao thông, trường hợp này thì Công ty A bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

b) Thi công trên đường bộ đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông;

Ngoài ra, người thực hiện hành vi này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 13 NĐ.

**Câu 43. Hành vi điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách lắp thêm hay tháo bớt ghế không đúng thiết kế của nhà sản xuất? Anh T hỏi trường hợp này xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi trên bị xử phạt theo quy định điểm e khoản 3 Điều 16 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

Điều 16. Xử phạt người điều khiển xe ô tô (bao gầm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông

3. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

e) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách lắp thêm hoặc tháo bớt ghế, giường nằm hoặc có kích thước khoang chở hành lý (hầm xe) không đúng thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế đã đăng ký với cơ quan đăng ký xe hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài ra người thực hiện hành vi này buộc phải lắp đầy đủ thiết bị hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định, tháo bỏ những thiết bị lắp thêm không đúng quy định theo điểm b khoản 7 NĐ.

**Câu 44. Hành vi điều khiển xe tương tự xe ô tô quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông bị xử phạt như thế nào? Chị H trường hợp này có bị phạt không, mức xử phạt là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo điểm b khoản 5 Điều 16 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

 Xử phạt người điều khiển xe ô tô (bao gầm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

b) Điều khiển xe quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông (đối với loại xe có quy định về niên hạn sử dụng);

Ngoài ra người thực hiện hành vi này bị tịch thu phương tiện và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 đến 03 tháng.

**Câu 45. Bà H hỏi hành vi điều khiển xe ô tô chở khách vượt quá quy định được phép chở của phương tiện bị xử phạt như thế nào theo quy định?**

**Trả lời:**

**Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 23 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, theo đó:**

2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 40.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô chở hành khách, ô tô chở người (trừ xe buýt) thực hiện hành vi vi phạm: Chở quá từ 02 người trở lên trên xe đến 9 chỗ, chở quá từ 03 người trở lên trên xe 10 chỗ đến xe 15 chỗ, chở quá từ 04 người trở lên trên xe 16 chỗ đến xe 30 chỗ, chở quá từ 05 người trở lên trên xe trên 30 chỗ, trừ các hành vi vi phạm mà người điều khiển xe ô tô chở hành khách chạy tuyến có cự ly lớn hơn 300 km thực hiện hành vi vi phạm.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 40.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô chở hành khách chạy tuyến có cự ly lớn hơn 300 km thực hiện hành vi vi phạm: Chở quá từ 02 người trở lên trên xe đến 9 chỗ, chở quá từ 03 người trở lên trên xe 10 chỗ đến xe 15 chỗ, chở quá từ 04 người trở lên trên xe 16 chỗ đến xe 30 chỗ, chở quá từ 05 người trở lên trên xe trên 30 chỗ.

Ngoài việc bị xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả phải bố trí phương tiện khác để chở số  hành khách vượt quá quy định được phép chở của phương tiện.

Trong trường hợp người điều khiển phương tiện chở khách vượt trên 50% đến 100% số người quy định được phép chở của phương tiện bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 01 đến 03 tháng theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 23 NĐ.

**Câu 46. Hành vi điều khiển xe ô tô đón, trả khách không đúng nơi quy định trên những tuyến đường đã xác định nơi đón, trả khách bị xử phạt như thế nào? Anh M hỏi trường hợp bị Cảnh sát giao thông phát hiện thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi ban hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 23 Nghị định 100/2019:

5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

đ) Đón, trả hành khách không đúng nơi quy định trên những tuyến đường đã xác định nơi đón, trả khách hoặc dừng đón, trả hành khách quá thời gian quy định, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này.

Ngoài ra, người thực hiện hành vi bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 01 đến 03 tháng theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 23 NĐ.

**Câu 47. Ông X hỏi nếu có hành vi điều khiển xe ô tô đón, trả hành khách trên đường cao tốc bị xử phạt thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 23 NGhị định 100/2019/NĐ-CP:

7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đón, trả hành khách trên đường cao tốc;

Ngoài ra, người thực hiện hành vi bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 02 đến 04 tháng theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 23 NĐ.

**Câu 48. Công ty Z có hành vi điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hành khách có gắn thiệt bị giám sát hành trình của xe nhưng thiết bị không hoạt động bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi bạn hỏi bị xử phạt theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 23 NĐ 100/2019/NĐ-CP:

6. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

đ) Điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hành khách có gắn thiết bị giám sát hành trình của xe nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;

Ngoài ra, người thực hiện hành vi bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 01 đến 03 tháng theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 23 NĐ.

**Câu 49. Chị N muốn biết người điều khiển xe ô tô tải chở hàng vượt quá trọng tải cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Tùy thuộc vào khối lượng hàng vượt quá trọng tải mà hành vi chị hỏi bị xử phạt theo Điều 24 Nghị định 100/2019/NĐ-CP với các mức dưới dây:

2. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 10% đến 30% (trừ xe xi téc chở chất lỏng), trên 20% đến 30% đối với xe xi téc chở chất lỏng;

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 30% đến 50%;

Người thực hiện hành vi vi phạm còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 1 đến 3 tháng theo điểm a khoản 9 điều 24 NĐ.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%;

Người thực hiện hành vi vi phạm còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 1 đến 3 tháng theo điểm a khoản 9 điều 24 NĐ.

7. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100% đến 150%;

Người thực hiện hành vi vi phạm còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 2 đến 4 tháng theo điểm b khoản 9 điều 24 NĐ.

8. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 150%;

Người thực hiện hành vi vi phạm còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 3 đến 5 tháng theo điểm c khoản 9 điều 24 NĐ.

**Câu 50. Công ty N có hành vi sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, sản xuất, bán biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trái phép bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi trên bị xử phạt theo quy định tại điều 29 Nghị định 100/2019/NĐ-CP:

Điều 29. Xử phạt hành vi sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; sản xuất, bán biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trái phép

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi bán biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không phải là biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền sản xuất hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi sản xuất biển số trái phép hoặc sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

 Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu biển số, phương tiện sản xuất, lắp ráp trái phép và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

**Câu 21. Ở khu vực đường giao thông nơi có lề đường, khu vực chợ, các phương tiện để tràn ra đường để vào họp chợ hoặc các cơ sở kinh doanh lấn chiếm lề đường để trông giữ xe, cần phải xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Hiện nay, mặc dù đã có những quy định cụ thể về việc quản lý lòng đường, vỉa hè, nhưng do sự thiếu giám sát, quản lý lỏng lẻo, tình trạng lấn chiếm lòng, lề đường để kinh doanh, buôn bán, làm chỗ để trông giữ xe…  diễn ra khá phổ biến và phức tạp ở nhiều nơi nhất là các khu vực họp chợ, các hàng quán hay vào mùa lễ hội, ngày tết... Các phương tiện như xe đạp, xe máy của người mua, người bán được dựng ngay giữa lòng đường, gây ra tình trạng lộn xộn, gây ách tắc và mất ATGT cho người và phương tiện tham gia giao thông qua các khu vực này. Lực lượng chức năng cũng đã tiến hành thường xuyên các đợt kiểm tra, xử lý vi phạm tuy nhiên tình trạng này không có chiều hướng giảm thậm chí nhiều nơi người dân luôn tìm mọi cách đối phó với lực lượng chức năng.

**Để giải quyết vấn đề trên, trước hết các đơn vị chức năng cần tuyên truyền, vận động sâu rộng cho nhân dân hiểu để thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc sử dụng lòng đường, hè phố.**Ngày 03/9/2013 Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 100/2013/NĐ-CP](http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=28637)  về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Nghị định đã quy định việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vào mục đích giao thông, quy định việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe.

Đối với các trường hợp vi phạm cần kiên quyết xử lý theo quy định. Điểm a khoản 3 điều 6 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một hành vi vi phạm:Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường. Đối với các cơ sở kinh doanh để xe lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, các lực lượng chức năng cần tiến hành nghiêm minh các quy định về xử phạt, trường hợp thường xuyên vi phạm hoặc tái phạm nhiều lần có thể tịch thu hoặc đình chỉ giấy phép kinh doanh.

**Câu 22. Những hình thức xử phạt đối với người uống rượu bia điều khiển xe mô tô và xe ô tô khi tham gia giao thông?**

**Trả lời:**

Hiện nay, tình trạng sử dụng rượu, bia khi điều khiển phương tiện giao thông diễn ra khá phổ biến. Các vụ TNGT nguyên nhân do sử dụng rượu, bia chiếm tỷ lệ khá cao.

Nghị định 171/2013/CP của Chính phủ đã quy định cụ thể những hình thức xử phạt đối với hành vi này.

- Đối với xe mô tô:

Tại điểm b khoản 5 điều 6 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở; Ngoài việc phạt tiền người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 01 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

Tại điểm e khoản 6 điều 6 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; Ngoài việc phạt tiền người bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

-         Đối với ô tô:

+ Tại điểm b khoản 7 điều 5 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở; Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày

+ Tại điểm a khoản 8 điều 5 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

+ Tại điểm b khoản 5 điều 5 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe  trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 7, Điểm a Khoản 8 Điều 5 như trên; Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 01 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày trước khi ra quyết định xử phạt.

**Câu 23. Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy phải tuân theo những quy tắc gì khi tham gia giao thông?**

**Trả lời:**

Tại Điều 30 Luật giao thông đường bộ quy định người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy phải tuân theo quy tắc sau:

Thứ nhất, Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp: Chở người bệnh đi cấp cứu; Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật hoặc chở trẻ em dưới 14 tuổi thì được chở tối đa hai người.

Thứ 2, Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

Thứ 3, Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi: Đi xe dàn hàng ngang; Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác; Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính; Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh; Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh; Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Thứ 4. Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây:

a) Mang, vác vật cồng kềnh;

b) Sử dụng ô;

c) Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;

d) Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;

đ) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Để đảm bảo an toàn trong tham gia giao thông, người tham gia giao thông cần tuân thủ những quy tắc giao thông đường bộ được quy định tại Chương II Luật giao thông đường bộ năm 2008.

**Câu 24.** **Cài mũ bảo hiểm như thế nào thì đúng quy cách?**

**Trả lời:**

          Việc quy định về đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông đã có từ năm 2007. Tuy nhiên hiện nay tình trạng không đội mũ bảo hiểm, hoặc đội mũ bảo hiểm không đúng quy cách diễn ra khá phổ biến. Còn rất nhiều người đội mũ để chống đối và các lỗi thường gặp đó là: không cài dây mũ, đội mũ vải - mũ lưỡi trai ở trong mũ bảo hiểm, đội ngược mũ từ phía trước ra sau, thậm chí tháo xốp lót mũ ra khỏi mũ…

          Không đội mũ bảo hiểm khi đi môtô, xe gắn máy, khi gặp tai nạn sẽ rất dễ dẫn tới tử vong hoặc tàn tật suốt đời do chấn thương sọ não. Đội mũ bảo hiểm không đúng cách, đặc biệt là đội mũ bảo hiểm mà không cài quai mũ, mũ sẽ có thể bị rơi khỏi đầu, như vậy đầu chúng ta sẽ không có gì bảo vệ, đồng thời tạo ra nguy hiểm cho những người đi phía sau, nếu không kịp thời phòng tránh.

Thông tư liên tịch số 06 năm 2013 giữa Bộ KHCN, Bộ Công thương, Bộ Công an và Bộ GTVT đã quy định cụ thể về trách nhiệm của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm đúng quy định và cài quai đúng cách.

Vậy đội mũ bảo hiểm thế nào là đúng quy cách?

- Trước hết, cần chọn 1 chiếc mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn chất lượng. Mở dây quai mũ sang 2 bên, đội mũ lên đầu, cài khóa lại và kiểm tra xem mũ có vừa đầu không bằng cách xoay đi xoay lại, dùng tay kéo mũ từ đằng sau ra đằng trước hoặc nâng phần trên trước trán (hoặc phần cằm đối với mũ cả hàm) rồi kéo ra đằng sau, mũ không được bật ra khỏi đầu. Nếu mũ quá rộng so với đầu, khi đi xe máy mũ sẽ bị sụp xuống mặt hoặc lật ra phía sau hoặc bị lật nghiêng sang 1 bên, gây mất an toàn cho người sử dụng mũ.

- Thứ 2, Hãy luôn cài quai mũ, vì nếu đội mũ mà không cài quai thì mũ sẽ không có tác dụng bảo vệ. Tuy nhiên, không nên cài quá chật hoặc quá lỏng. Chúng ta có thể kiểm tra bằng cách: Sau khi cài, hãy thử nhét 2 ngón tay xuống dưới cằm, nếu nhét được 1 hoặc 2 ngón tay là vừa. Nếu chúng ta cài quai mũ, nhưng cài qúa lỏng, mũ cũng có thể bị lật khỏi đầu ra phía sau gáy và quai mũ sẽ vướng vào cổ của chúng ta, điều này sẽ rất nguy hiểm khi xảy ra tai nạn, dây có thể xiết vào vùng cổ, từ đó có thể gây tổn thương khí quản, thực quản, cột sống cổ, động mạch cảnh, dẫn đến liệt nửa người, thiếu máu não, thậm chí tử vong. Nếu quai mũ cài quá chật, sẽ tạo cảm giác vướng víu, khó chịu khi bạn điều khiển xe trên đường, gây mất an toàn khi tham gia giao thông.

**Câu 25. Hành vi điều khiển xe môtô không có gương chiếu hậu bên trái, đội mũ bảo hiểm không cài quai và không mang theo giấy phép lái xe thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm a khoản 1 điều 17 quy định: Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có còi; đèn soi biển số; đèn báo hãm; gương chiếu hậu bên trái hoặc có nhưng không có tác dụng;

Tại điểm I khoản 3 điều 6 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi: Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Tại điểm c khoản 2 điều 21 Nghị định 171/2013/CP của Chính phủ ngày 13/11/2013 quy định: Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô không mang theo giấy phép lái xe.

**Câu 26: Hiện nay có quy định về tốc độ tối đa của tàu hỏa chạy trên các tuyến đường sắt quốc gia không, nếu có thì khi vượt quá tốc độ này sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

          Ngày 15/4/2013 Đường sắt Việt Nam đã ký Quyết định số 437/QĐ-ĐS ban hành công lệnh tốc độ số 01 và theo quy định này thì từ 0h00 ngày 25/4/2013 các đoàn tàu, đầu máy chạy đơn được chạy với tốc độ được quy định cụ thể trong bảng quy định tốc độ chạy tàu.Theo quy đinh này, trên từng cầu, đoạn, khu gian, khu đoạn, tuyến đường sắt khác nhau sẽ quy định tốc độ khác nhau căn cứ vào chất lượng cầu đường tại thời điểm đó. Ví dụ: Đối với tuyến đường sắt Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh, từ km số 0 đến km số 5, theo quy định hiện nay, tốc độ tối đa của tàu chỉ được chạy 30km/h; từ km 93 đến km 141 chạy qua Nam Định, Ninh Bình, Bỉm Sơn – Thanh Hóa, tốc độ tối đa tàu được phép chạy là 70km/h; từ km 1454 đến km1567 chạy qua Bình Thuận, tốc độ tối đa cho phép là 80km/h.

Với hành vi vượt quá tốc độ cho phép, việc xử lý vi phạm như sau:

Theo điểm c khoản 3 điều 61 Nghị định 171/2013/CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định:  Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến 10 km/h.

Điểm a khoản 4 điều 61 Nghị định 171/2013/CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định trên 10 km/h đến 20 km/h

Tại khoản 5 điều 61 Nghị định 171/2013/CP quy định Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với lái tàu vi phạm hành vi điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h.

**Câu 27. Phạm vi giới hạn hành lang an toàn giao thông đường sắt được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 35 Luật đường sắt năm 2005, phạm vi giới hạn hành lang an toàn giao thông đường sắt được quy định như sau:

-  Chiều cao giới hạn trên không tính từ đỉnh ray trở lên theo phương thẳng đứng đối với đường khổ 1000 milimét theo cấp kỹ thuật là 5,30 mét; đối với đường khổ 1435 milimét là 6,55 mét. Khoảng cách giữa đường sắt với đường tải điện đi ngang qua phía trên đường sắt được thực hiện theo quy định của Luật điện lực;

-  Chiều rộng giới hạn hai bên đường sắt tính từ mép chân nền đường đắp, mép đỉnh mái đường đào, mép ray ngoài cùng của đường không đào, không đắp trở ra mỗi bên là 15 mét đối với đường sắt trong khu gian; tính từ mép ray ngoài cùng trở ra mỗi bên là 2 mét đối với đường sắt trong ga, trong cảng, trong tường rào.

- Hành lang an toàn giao thông đường sắt tại khu vực đường ngang phải bảo đảm tầm nhìn cho người tham gia giao thông và phù hợp với cấp đường ngang.

- Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt chỉ được phép trồng cây thấp dưới 1,5 mét và phải trồng cách mép chân nền đường đắp ít nhất 2 mét, cách mép đỉnh mái đường đào ít nhất 5 mét hoặc cách mép ngoài rãnh thoát nước dọc của đường, rãnh thoát nước đỉnh ít nhất 3 mét.

- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể hành lang an toàn giao thông tại khu vực đường ngang, đường sắt đô thị.

**Câu 28. Nếu người dân trồng rau trong khu vực hàng rào đường sắt thì có vi phạm luật không? Xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Trường hợp này đã vi phạm vào phần đất dành cho đường sắt. Theo điều 17 Luật đường sắt năm 2005 quy định đất dành cho đường sắt gồm đất để xây dựng công trình đường sắt, đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và đất trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Đất dành cho đường sắt phải được sử dụng đúng mục đích đã được phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Khoản 2 điều 12 Luật đường sắt năm 2005 quy định nghiêm cấm hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.

 Như vậy, hành vi này sẽ bị xử phạt theo quy định tại điểm a, b khoản 1 điều 51 Nghị định 171/2013/CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ:

Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi:

          - Sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt vào mục đích canh tác nông nghiệp làm sạt lở, lún, nứt, hư hỏng công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt;

          - Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, trồng cây cao trên 1,5 m, trồng cây trong khoảng 02 m tính từ chân nền đường đắp, 05 m tính từ mép đỉnh mái đường đào hoặc 03 m tính từ mép ngoài rãnh thoát nước dọc, rãnh thoát nước đỉnh của đường; bị buộc phải chặt, nhổ bỏ cây trồng trái quy định;

**Câu 29. Nếu người dân tự ý di chuyển biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt thì sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

          Đây là các trang thiết bị thuộc công trình đường sắt và theo quy định thì công trình đường sắt là công trình được xây dựng để phục vụ giao thông vận tải đường sắt. Tại khoản 1, Điều 12 của Luật đường sắt năm 2005 quy định: nghiêm cấm các hành vi phá hoại công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt.

          Như vậy, hành vi tự ý di chuyển biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt nói trên là vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Hành vi này sẽ bị xử phạt theo điểm c khoản 3 điều 49 Nghị định 171/2013/CP của chính phủ như sau: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 30. Việc treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắtgây mất an toàn cho hoạt động giao thông đường sắt. Có không ít vụ tai nạn đường sắt đã xảy ra do sự thiếu hiểu biết hoặc thiếu trách nhiệm của người dân khi vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Tại  khoản 5 điều 12 Luật đường sắt quy định nghiêm cấm hành vi treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt.

Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt như sau:

Điểm d khoản 2 điều 49 Nghị định 171/2013/CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt;

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm đó, còn buộc phải tự dỡ bỏ các vật đã treo, phơi và khôi phục lại trạng thái ban đầu của công trình đường sắt đã bị thay đổi.

**Câu 21. Ở khu vực đường giao thông nơi có lề đường, khu vực chợ, các phương tiện để tràn ra đường để vào họp chợ hoặc các cơ sở kinh doanh lấn chiếm lề đường để trông giữ xe, cần phải xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Hiện nay, mặc dù đã có những quy định cụ thể về việc quản lý lòng đường, vỉa hè, nhưng do sự thiếu giám sát, quản lý lỏng lẻo, tình trạng lấn chiếm lòng, lề đường để kinh doanh, buôn bán, làm chỗ để trông giữ xe…  diễn ra khá phổ biến và phức tạp ở nhiều nơi nhất là các khu vực họp chợ, các hàng quán hay vào mùa lễ hội, ngày tết... Các phương tiện như xe đạp, xe máy của người mua, người bán được dựng ngay giữa lòng đường, gây ra tình trạng lộn xộn, gây ách tắc và mất ATGT cho người và phương tiện tham gia giao thông qua các khu vực này. Lực lượng chức năng cũng đã tiến hành thường xuyên các đợt kiểm tra, xử lý vi phạm tuy nhiên tình trạng này không có chiều hướng giảm thậm chí nhiều nơi người dân luôn tìm mọi cách đối phó với lực lượng chức năng.

**Để giải quyết vấn đề trên, trước hết các đơn vị chức năng cần tuyên truyền, vận động sâu rộng cho nhân dân hiểu để thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc sử dụng lòng đường, hè phố.**Ngày 03/9/2013 Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 100/2013/NĐ-CP](http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=28637)  về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Nghị định đã quy định việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vào mục đích giao thông, quy định việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe.

Đối với các trường hợp vi phạm cần kiên quyết xử lý theo quy định. Điểm a khoản 3 điều 6 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một hành vi vi phạm:Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường. Đối với các cơ sở kinh doanh để xe lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, các lực lượng chức năng cần tiến hành nghiêm minh các quy định về xử phạt, trường hợp thường xuyên vi phạm hoặc tái phạm nhiều lần có thể tịch thu hoặc đình chỉ giấy phép kinh doanh.

**Câu 22. Những hình thức xử phạt đối với người uống rượu bia điều khiển xe mô tô và xe ô tô khi tham gia giao thông?**

**Trả lời:**

Hiện nay, tình trạng sử dụng rượu, bia khi điều khiển phương tiện giao thông diễn ra khá phổ biến. Các vụ TNGT nguyên nhân do sử dụng rượu, bia chiếm tỷ lệ khá cao.

Nghị định 171/2013/CP của Chính phủ đã quy định cụ thể những hình thức xử phạt đối với hành vi này.

- Đối với xe mô tô:

Tại điểm b khoản 5 điều 6 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi: Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở; Ngoài việc phạt tiền người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 01 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

Tại điểm e khoản 6 điều 6 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; Ngoài việc phạt tiền người bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

-         Đối với ô tô:

+ Tại điểm b khoản 7 điều 5 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở; Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày

+ Tại điểm a khoản 8 điều 5 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

+ Tại điểm b khoản 5 điều 5 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe  trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 7, Điểm a Khoản 8 Điều 5 như trên; Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 01 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày trước khi ra quyết định xử phạt.

**Câu 23. Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy phải tuân theo những quy tắc gì khi tham gia giao thông?**

**Trả lời:**

Tại Điều 30 Luật giao thông đường bộ quy định người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máyphải tuân theo quy tắc sau:

Thứ nhất, Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp: Chở người bệnh đi cấp cứu; Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật hoặc chở trẻ em dưới 14 tuổi thì được chở tối đa hai người.

Thứ 2, Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

Thứ 3, Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi: Đi xe dàn hàng ngang; Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác; Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính; Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh; Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh; Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Thứ 4. Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây:

a) Mang, vác vật cồng kềnh;

b) Sử dụng ô;

c) Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;

d) Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;

đ) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Để đảm bảo an toàn trong tham gia giao thông, người tham gia giao thông cần tuân thủ những quy tắc giao thông đường bộ được quy định tại Chương II Luật giao thông đường bộ năm 2008.

**Câu 24.** **Cài mũ bảo hiểm như thế nào thì đúng quy cách?**

**Trả lời:**

          Việc quy định về đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông đã có từ năm 2007. Tuy nhiên hiện nay tình trạng không đội mũ bảo hiểm, hoặc đội mũ bảo hiểm không đúng quy cách diễn ra khá phổ biến. Còn rất nhiều người đội mũ để chống đối và các lỗi thường gặp đó là: không cài dây mũ, đội mũ vải - mũ lưỡi trai ở trong mũ bảo hiểm, đội ngược mũ từ phía trước ra sau, thậm chí tháo xốp lót mũ ra khỏi mũ…

          Không đội mũ bảo hiểm khi đi môtô, xe gắn máy, khi gặp tai nạn sẽ rất dễ dẫn tới tử vong hoặc tàn tật suốt đời do chấn thương sọ não. Đội mũ bảo hiểm không đúng cách, đặc biệt là đội mũ bảo hiểm mà không cài quai mũ, mũ sẽ có thể bị rơi khỏi đầu, như vậy đầu chúng ta sẽ không có gì bảo vệ, đồng thời tạo ra nguy hiểm cho những người đi phía sau, nếu không kịp thời phòng tránh.

Thông tư liên tịch số 06 năm 2013 giữa Bộ KHCN, Bộ Công thương, Bộ Công an và Bộ GTVT đã quy định cụ thể về trách nhiệm của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm đúng quy định và cài quai đúng cách.

Vậy đội mũ bảo hiểm thế nào là đúng quy cách?

- Trước hết, cần chọn 1 chiếc mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn chất lượng. Mở dây quai mũ sang 2 bên, đội mũ lên đầu, cài khóa lại và kiểm tra xem mũ có vừa đầu không bằng cách xoay đi xoay lại, dùng tay kéo mũ từ đằng sau ra đằng trước hoặc nâng phần trên trước trán (hoặc phần cằm đối với mũ cả hàm) rồi kéo ra đằng sau, mũ không được bật ra khỏi đầu. Nếu mũ quá rộng so với đầu, khi đi xe máy mũ sẽ bị sụp xuống mặt hoặc lật ra phía sau hoặc bị lật nghiêng sang 1 bên, gây mất an toàn cho người sử dụng mũ.

- Thứ 2, Hãy luôn cài quai mũ, vì nếu đội mũ mà không cài quai thì mũ sẽ không có tác dụng bảo vệ. Tuy nhiên, không nên cài quá chật hoặc quá lỏng. Chúng ta có thể kiểm tra bằng cách: Sau khi cài, hãy thử nhét 2 ngón tay xuống dưới cằm, nếu nhét được 1 hoặc 2 ngón tay là vừa. Nếu chúng ta cài quai mũ, nhưng cài qúa lỏng, mũ cũng có thể bị lật khỏi đầu ra phía sau gáy và quai mũ sẽ vướng vào cổ của chúng ta, điều này sẽ rất nguy hiểm khi xảy ra tai nạn, dây có thể xiết vào vùng cổ, từ đó có thể gây tổn thương khí quản, thực quản, cột sống cổ, động mạch cảnh, dẫn đến liệt nửa người, thiếu máu não, thậm chí tử vong. Nếu quai mũ cài quá chật, sẽ tạo cảm giác vướng víu, khó chịu khi bạn điều khiển xe trên đường, gây mất an toàn khi tham gia giao thông.

**Câu 25. Hành vi điều khiển xe môtô không có gương chiếu hậu bên trái, đội mũ bảo hiểm không cài quai và không mang theo giấy phép lái xe thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm a khoản 1 điều 17 quy định:Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có còi; đèn soi biển số; đèn báo hãm; gương chiếu hậu bên trái hoặc có nhưng không có tác dụng;

Tại điểm I khoản 3 điều 6 Nghị định 171/2013/CP quy định: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi: Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Tại điểm c khoản 2 điều 21 Nghị định 171/2013/CP của Chính phủ ngày 13/11/2013 quy định: Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô không mang theo giấy phép lái xe.

**Câu 26: Hiện nay có quy định về tốc độ tối đa của tàu hỏa chạy trên các tuyến đường sắt quốc gia không, nếu có thì khi vượt quá tốc độ này sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

          Ngày 15/4/2013 Đường sắt Việt Nam đã ký Quyết định số 437/QĐ-ĐS ban hành công lệnh tốc độ số 01 và theo quy định này thì từ 0h00 ngày 25/4/2013 các đoàn tàu, đầu máy chạy đơn được chạy với tốc độ được quy định cụ thể trong bảng quy định tốc độ chạy tàu.Theo quy đinh này, trên từng cầu, đoạn, khu gian, khu đoạn, tuyến đường sắt khác nhau sẽ quy định tốc độ khác nhau căn cứ vào chất lượng cầu đường tại thời điểm đó. Ví dụ: Đối với tuyến đường sắt Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh, từ km số 0 đến km số 5, theo quy định hiện nay, tốc độ tối đa của tàu chỉ được chạy 30km/h; từ km 93 đến km 141 chạy qua Nam Định, Ninh Bình, Bỉm Sơn – Thanh Hóa, tốc độ tối đa tàu được phép chạy là 70km/h; từ km 1454 đến km1567 chạy qua Bình Thuận, tốc độ tối đa cho phép là 80km/h.

Với hành vi vượt quá tốc độ cho phép, việc xử lý vi phạm như sau:

Theo điểm c khoản 3 điều 61 Nghị định 171/2013/CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định:  Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến 10 km/h.

Điểm a khoản 4 điều 61 Nghị định 171/2013/CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định trên 10 km/h đến 20 km/h

Tại khoản 5 điều 61 Nghị định 171/2013/CP quy định Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với lái tàu vi phạm hành vi điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h.

**Câu 27. Phạm vi giới hạn hành lang an toàn giao thông đường sắt được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 35 Luật đường sắt năm 2005, phạm vi giới hạn hành lang an toàn giao thông đường sắt được quy định như sau:

-  Chiều cao giới hạn trên không tính từ đỉnh ray trở lên theo phương thẳng đứng đối với đường khổ 1000 milimét theo cấp kỹ thuật là 5,30 mét; đối với đường khổ 1435 milimét là 6,55 mét. Khoảng cách giữa đường sắt với đường tải điện đi ngang qua phía trên đường sắt được thực hiện theo quy định của Luật điện lực;

-  Chiều rộng giới hạn hai bên đường sắt tính từ mép chân nền đường đắp, mép đỉnh mái đường đào, mép ray ngoài cùng của đường không đào, không đắp trở ra mỗi bên là 15 mét đối với đường sắt trong khu gian; tính từ mép ray ngoài cùng trở ra mỗi bên là 2 mét đối với đường sắt trong ga, trong cảng, trong tường rào.

- Hành lang an toàn giao thông đường sắt tại khu vực đường ngang phải bảo đảm tầm nhìn cho người tham gia giao thông và phù hợp với cấp đường ngang.

- Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt chỉ được phép trồng cây thấp dưới 1,5 mét và phải trồng cách mép chân nền đường đắp ít nhất 2 mét, cách mép đỉnh mái đường đào ít nhất 5 mét hoặc cách mép ngoài rãnh thoát nước dọc của đường, rãnh thoát nước đỉnh ít nhất 3 mét.

- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể hành lang an toàn giao thông tại khu vực đường ngang, đường sắt đô thị.

**Câu 28. Nếu người dân trồng rau trong khu vực hàng rào đường sắt thì có vi phạm luật không? Xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Trường hợp này đã vi phạm vào phần đất dành cho đường sắt. Theo điều 17 Luật đường sắt năm 2005 quy định đất dành cho đường sắt gồm đất để xây dựng công trình đường sắt, đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và đất trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Đất dành cho đường sắt phải được sử dụng đúng mục đích đã được phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Khoản 2 điều 12 Luật đường sắt năm 2005 quy định nghiêm cấm hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.

 Như vậy, hành vi này sẽ bị xử phạt theo quy định tại điểm a, b khoản 1 điều 51 Nghị định 171/2013/CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ:

Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi:

          - Sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt vào mục đích canh tác nông nghiệp làm sạt lở, lún, nứt, hư hỏng công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt;

          - Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, trồng cây cao trên 1,5 m, trồng cây trong khoảng 02 m tính từ chân nền đường đắp, 05 m tính từ mép đỉnh mái đường đào hoặc 03 m tính từ mép ngoài rãnh thoát nước dọc, rãnh thoát nước đỉnh của đường; bị buộc phải chặt, nhổ bỏ cây trồng trái quy định;

**Câu 29. Nếu người dân tự ý di chuyển biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt thì sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

          Đây là các trang thiết bị thuộc công trình đường sắt và theo quy định thì công trình đường sắt là công trình được xây dựng để phục vụ giao thông vận tải đường sắt. Tại khoản 1, Điều 12 của Luật đường sắt năm 2005 quy định: nghiêm cấm các hành vi phá hoại công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt.

          Như vậy, hành vi tự ý di chuyển biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt nói trên là vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Hành vi này sẽ bị xử phạt theo điểm c khoản 3 điều 49 Nghị định 171/2013/CP của chính phủ như sau: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

**Câu 30. Việc treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắtgây mất an toàn cho hoạt động giao thông đường sắt. Có không ít vụ tai nạn đường sắt đã xảy ra do sự thiếu hiểu biết hoặc thiếu trách nhiệm của người dân khi vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Tại  khoản 5 điều 12 Luật đường sắt quy định nghiêm cấm hành vi treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt.

Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt như sau:

Điểm d khoản 2 điều 49 Nghị định 171/2013/CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt;

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm đó, còn buộc phải tự dỡ bỏ các vật đã treo, phơi và khôi phục lại trạng thái ban đầu của công trình đường sắt đã bị thay đổi.

***Câu 1:*** Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5[Nghị định 100/2019/NĐ-CP](https://luatminhkhue.vn/van-ban/nghi-dinh-100-2019-nd-cp.aspx) ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, hành vi chuyển hướng không nhường đường cho các xe đi ngược chiều, người đi bộ và xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như sau: Người điều khiển xe sẽ bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng.

***Câu 2:***Hành vi gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Tại ***điểm b khoản 8 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP*** ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, hành vi gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như sau: Người điều khiển xe sẽ bị phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng.

=> Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 5 tháng đến 7 tháng.

***Câu 3:***Hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Theo đó, người điều khiển xe thực hiện hành vi này sẽ bị áp dụng mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Ngoài phạt tiền, họ còn bị áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung, đó là tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe trong khoảng thời gian từ 1 tháng đến 3 tháng.

***Câu 4:*** Hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Tại điểm c khoản 6 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như sau: Người điều khiển xe sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng.

***Câu 5***: Hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Theo đó, người điều khiển xe thực hiện hành vi này sẽ bị áp dụng mức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Ngoài phạt tiền, họ còn bị áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung, đó là tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe trong khoảng thời gian từ 22 tháng đến 24 tháng.

***Câu 1:*** Hành vi không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, hành vi không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như sau: Người điều khiển xe sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

***Câu 2:*** Hành vi chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù) bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Hành vi chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù) bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Theo đó, người điều khiển xe thực hiện hành vi này sẽ bị áp dụng mức phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Ngoài phạt tiền, họ còn bị áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung, đó là tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe trong khoảng thời gian từ 02 tháng đến 04 tháng nếu hành vi vi phạm gây tai nạn giao thông.

***Câu 3:***Hành vi chở theo 03 người trên xe trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, hành vi chở theo 03 người trên xe trở lên sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như sau: Người điều khiển xe sẽ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung như sau:

- Nếu thực hiện hành vi vi phạm trên, người điều khiển xe sẽ bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe trong khoảng thời gian từ 1 tháng đến 3 tháng.

- Nếu thực hiện hành vi vi phạm trên và gây tai nạn giao thông, người điều khiển xe sẽ bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe trong khoảng thời gian từ 2 tháng đến 4 tháng.

***Câu 4:*** Hành vi chở theo 03 người trên xe trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Hành vi chở theo 03 người trở lên trên xe bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Theo đó, người điều khiển xe thực hiện hành vi này sẽ bị áp dụng mức phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng. Ngoài phạt tiền, họ còn bị áp dụng các biện pháp xử phạt bổ sung như sau:

- Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 1 tháng đến 3 tháng nếu thực hiện hành vi vi phạm chở theo 03 người trở lên.

- Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng nếu hành vi vi phạm gây tai nạn giao thông.

***Câu 5:*** Hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

*Trả lời:*

Tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính như sau: Người điều khiển xe sẽ bị phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Việc chạy xe với tốc độ vượt quá giới hạn quy định tạo ra nguy cơ tiềm tàng cho tai nạn giao thông và đe dọa an toàn của người tham gia giao thông. Do đó, việc xử phạt nhằm nhắc nhở và giữ gìn trật tự, an toàn giao thông, đồng thời khuyến khích người điều khiển xe tuân thủ luật lệ giao thông và giảm thiểu rủi ro.

***Câu 1***: Khi tham gia giao thông, người đi bộ phải thực hiện quy tắc giao thông nào?

*Trả lời:*

Khi tham gia giao thông, người đi bộ phải tuân thủ các quy tắc giao thông được quy định trong Điều 32 của [Luật Giao thông đường bộ 2008](https://luatminhkhue.vn/van-ban/luat-giao-thong-duong-bo-nam-2008.aspx):

- Người đi bộ phải đi trên hè phố hoặc lề đường. Trong trường hợp đường không có hè phố hoặc lề đường, người đi bộ phải đi sát mép đường.

- Người đi bộ chỉ được băng qua đường tại những nơi có đèn tín hiệu, vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành riêng cho người đi bộ. Họ phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn tại những nơi này.

- Trong trường hợp không có đèn tín hiệu, vạch kẻ đường, cầu vượt hoặc hầm dành cho người đi bộ, người đi bộ phải tự quan sát và đảm bảo an toàn khi băng qua đường. Họ chỉ được đi qua đường khi đã đảm bảo an toàn và phải chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho bản thân khi qua đường.

- Người đi bộ không được vượt qua dải phân cách và không được đu bám vào các phương tiện giao thông đang di chuyển. Khi mang theo vật cồng kềnh, họ phải đảm bảo an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

- Trẻ em dưới 7 tuổi khi băng qua đường đô thị hoặc đường có sự đi lại thường xuyên của xe cơ giới phải có người lớn dắt. Mọi người đều có trách nhiệm giúp đỡ trẻ em dưới 7 tuổi khi băng qua đường.

Những quy tắc này được thiết lập nhằm đảm bảo an toàn cho người đi bộ và các phương tiện giao thông khác trên đường. Việc tuân thủ quy tắc giao thông khi đi bộ là rất quan trọng để tránh tai nạn và duy trì trật tự giao thông.

***Câu 2:*** Người điều khiển xe, mô tô vi phạm các hành vi sau sẽ phạt bao nhiêu tiền?

*Trả lời:*

Căn cứ ại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, các hành vi vi phạm như sau sẽ bị xử phạt như sau:

- Không có giấy phép lái xe: Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng. Ngoài ra, xe còn có thể bị tạm giữ trong thời hạn 7 ngày.

- Sử dụng giấy phép lái xe không rõ cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy phép lái xe bị tẩy xóa: Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng. Ngoài ra, xe cũng có thể bị tạm giữ trong thời hạn 7 ngày.

**Tình huống 1: Khi đi trên đường, nếu gặp các loại xe cồng kềnh như xe công nông đang chở đầy hàng, một chiếc máy kéo, xe thồ… Nếu muốn vượt thì phải làm thế nào?**

**Trả lời:**

Trong quá trình lưu thông trên đường, nếu gặp các loại xe chở hàng cồng kềnh nêu trên, cần tuân thủ quy tắc xin vượt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ như sau:

Thứ nhất: Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

Thứ hai: Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

Đối với các chủ phương tiện khi chở hàng cồng kềnh cần chú ý: Việc xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông cần phải tuân thủ các quy định về tổng trọng lượng của xe, tải trọng trục xe, chiều cao, chiều rộng, chiều dài xếp hàng hóa được phép của xe và không vượt quá tải trọng thiết kế của xe được ghi trong giấy đăng ký xe; Hàng hóa xếp trên xe phải gọn gang, chằng buộc chắc chắn, không để rơi vãi dọc đường, không kéo lê hàng trên mặt đường và không gây cản trở cho việc điều khiển xe.

**Tình huống 2: Anh A đang điều khiển xe gắn máy đi trên đường. Đến đoạn đường giao cắt với ngõ nhỏ thì bị anh B điều khiển xe gắn máy khác đi từ ngõ ra đâm vào, xảy ra tai nạn. Trách nhiệm thuộc về ai?**

**Trả lời:**

Tại khoản 3, điều 24 Luật giao thông đường bộ quy định:

Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

Đường chính: là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

Đường nhánh: là đường nối vào đường chính.

Đường ưu tiên là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

Như vậy, với tình huống trên, nếu anh A đang đi trên đường chính, gặp anh B điều khiển xe từ trong ngõ đâm vào, tai nạn xảy ra trách nhiệm thuộc về anh B.

Để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện xe cơ giới cần chú ý quan sát, giảm tốc độ tới mức an toàn tại nơi đường giao nhau, tránh xảy ra những tai nạn đáng tiếc.

**Tình huống** **3: Điều khiển xe máy ở những đoạn dốc lên nguy hiểm, cần giữ khoảng cách với các phương tiện đi trước cùng chiều như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại khoản 1 điều 12 Luật giao thông đường bộ quy định: Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

|  |
| --- |
| Thông tư số 13/2009-TT-BGTVT ngày 17/7/2009 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Theo Thông tư này, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn giữa hai xe cơ giới. |

Đối với đường cao tốc, đường cấp cao, đường khai thác theo quy chế riêng, khi mặt đường khô ráo thì khoảng cách an toàn ứng với mỗi tốc độ được quy định rất cụ thể, ví dụ: tốc độ lưu hành đến 60km/h, khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai xe là 30m; tốc độ lưu hành trên 60km/h đến 80km/h, khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai xe là 50m…

Khi trời mưa, có sương mù, mặt đường trơn trượt, đường có địa hình quanh co, đèo dốc, người lái xe phải điều chỉnh khoảng cách an toàn thích hợp lớn hơn khoảng cách an toàn ghi trên biển báo hoặc quy định nói trên. Ví dụ với tốc độ lưu hành đến 60km/h, khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai xe trên 30m.

Thông tư cũng quy định trong một số trường hợp cụ thể như có chướng ngại vật trên đường; chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế; qua cầu, cống hẹp, khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc… người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (tức là có thể dừng lại một cách an toàn).

**Tình huống 4: Người điều khiển xe gắn máy trên đường giao thông nông thôn, do thiếu quan sát nên đâm vào một con vật bất ngờ chạy qua đường và xảy ra tai nạn. Trong trường hợp này ai là người chịu trách nhiệm? Chủ của con vật có phải chịu trách nhiệm không? Tại sao?**

**Trả lời:**

Đây là tình huống có thể bắt gặp nhiều ở khu vực nông thôn. Chúng ta đều biết, tập quán nuôi thả gia súc, gia cầm, vật nuôi đã có từ lâu đời trong các vùng nông thôn Việt Nam. Gần đây cùng với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, việc chăn nuôi theo hình thức này tuy có giảm bớt nhưng chưa phải là hết hẳn; đặc biệt ở các tuyến đường thuộc khu vực nông thôn, người dân thường thả rông trâu, bò, gia cầm… Từ đó, đã xảy ra không ít vụ tai nạn giao thông do người đang chạy xe máy, xe ô tô va phải súc vật trên đường hoặc súc vật bất ngờ lao ra đường.

Tại Điểm c khoản 2 điều 35 Luật giao thông đường bộ quy định “Không được thả rông xúc vật trên đường bộ”.

Như vậy trong trường hợp trên chủ của xúc vật đã vi phạm luật giao thông đường bộ; phải chịu trách nhiệm và phải bồi thường thiệt hại do xúc vật gây ra cho người khác theo quy định của pháp luật.

**Tình huống 5: Khi điều khiển phương tiện giao thông đến chỗ giao nhau với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người điều khiển phương tiện giao thông nên xử lý thế nào? Trong trường hợp này, người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ phải đứng cách xa đường ray bao nhiêu mét?**

**Trả lời:**

Thời gian gần đây, liên tục xảy ra các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng ở các khu vực giao nhau giữa đường sắt và đường ngang dân sinh. Để đảm bảo an toàn, người tham gia giao thông cần chú ý tuân thủ những quy định của Luật giao thông đường bộ. Tại những điểm đường bộ giao nhau với đường sắt, người tham gia giao thông cần thực hiện đúng quy định tại Điều 25 của Luật Giao thông đường bộ, đó là phương tiện giao thông đường sắt được quyền ưu tiên đi trước.

Trường hợp khi điều khiển phương tiện giao thông đến chỗ giao nhau với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người tham gia giao thông cần thực hiện đúng quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật giao thông đường bộ như sau: “Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải quan sát cả hai phía, khi thấy chắc chắn không có phương tiện đường sắt đang đi tới mới được đi qua, nếu thấy có phương tiện đường sắt đang đi tới thì phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất và chỉ khi phương tiện đường sắt đã đi qua mới được đi”.

Ngoài ra, để đảm bảo an toàn tại những nơi giao nhau với đường sắt, cần chú ý các quy định sau:

Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu mầu đỏ đã bật sáng, có tiếng chuông báo hiệu, rào chắn đang dịch chuyển hoặc đã đóng, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại phía phần đường của mình và cách rào chắn một khoảng cách an toàn; khi đèn tín hiệu đã tắt, rào chắn mở hết, tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.

Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt chỉ có đèn tín hiệu hoặc chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu mầu đỏ đã bật sáng hoặc có tiếng chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất; khi đèn tín hiệu đã tắt hoặc tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.

**Tình huống 6: Những nơi có đường sắt chạy qua ở vùng nông thôn, một số người dân thường xuyên phơi rơm rạ, nông sản trên đường sắt vì tiện trên đường gần nhà và người này nhìn người kia làm theo. Hành vi này có được phép không? Nếu không thì hình thức xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Đây là một trong những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Theo khoản 8 điều 12 Luật đường sắt năm 2005 quy định: cấm để vật chướng ngại, đổ chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt; chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Mặc dù hành vi này được quy định rất rõ như trên nhưng trên thực tế nhiều năm qua, tình trạng phơi rơm rạ, nông sản trên các tuyến đường sắt tại các khu vực nông thôn có thời điểm diễn ra thường xuyên, làm cản trở giao thông, gây hậu quả nghiêm trọng cho ngành đường sắt, đồng thời ảnh hưởng đến tính mạng của những hành khách trên tàu nếu có tai nạn xảy ra. Hành vi này cần bị lên án và xử phạt nghiêm minh.

Tại điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 171 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đã quy định:

Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi phơi rơm, rạ, nông sản, để các vật phẩm khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác.

Ngoài ra, đối với hành vi này tại điểm d khoản 5 điều 48 còn quy định “buộc phải đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác”.

**Tình huống 7: Hành vi vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại khoản 1 đến khoản 7 điều 46 Nghị định 171 của Chính phủ quy định về xử phạt các hành vi của người tham gia giao thông vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng như sau:

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người đi bộ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung, hầm khi đi qua đường ngang, cầu chung, hầm;

b) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

2. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy dừng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

4. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

5. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng dừng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

6. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng;

b) Người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô dừng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

7. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

**Tình huống 8: Người điều khiển phương tiện giao thông khác khi đi qua nơi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt cần làm gì:**

**Trả lời:**

Năm 2013 cả nước xảy ra 392 vụ TNGT đường sắt làm chết 178 người, bị thương 271 người. Hầu hết các vụ tai nạn đều có nguyên nhân do người điều khiển phương tiện giao thông vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Tai nạn giao thông xảy ra gây ra những thiệt hại lớn về người và tài sản. Trước mỗi tai nạn xảy ra, mỗi người phải có trách nhiệm để góp phần giảm bớt hậu quả của vụ tai nạn.

Tại Điều 11 Luật đường sắt năm 2005 đã quy định cụ thể trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. Theo đó, đối với người điều khiển phương tiện giao thông khác, khi đi qua nơi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt có trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu, trừ trường hợp đang làm nhiệm vụ khẩn cấp; Không được gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt và hoạt động giao thông vận tải đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Quy định trên là yêu cầu trách nhiệm đối với mỗi người. Các hành vi vi phạm quy định sẽ bị xử phạt theo các điểm b, e, khoản 4, Điều 47 Nghị định 171 của Chính phủ: Phạt tiền từ 3 triệu đến 4 triệu đồng đối với cá nhân có các hành vi trốn tránh nghĩa vụ cứu nạn khi có điều kiện cứu nạn; hành vi gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra TNGT đường sắt.

**Tình huống 9: Hành vi dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt thì bị phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Đất dành cho đường sắt gồm đất để xây dựng công trình đường sắt, đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và đất trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt. Đất dành cho đường sắt phải được sử dụng đúng mục đích đã được phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Như vậy, hành vi dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Tại điểm b, khoản 2 điều 51 Nghị định 171 của Chính phủ quy định: phạt tiền từ 1 triệu đến 3 triệu đồng đối với cá nhân và từ 2 triệu đến 6 triệu đồng đối với tổ chức có hành vi dựng lều, quán, nhà tạm, công trình tạm thời khác, trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm nêu trên bị buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển lều quán, nhà tạm, công trình tạm thời khác trép phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.

Hiện nay tình trạng lấn chiếm đất dành cho đường sắt diễn ra khá sôi động, người dân chiếm dụng các gầm cầu, hành lang đường sắt để xây dựng các cửa hàng, thậm chí bị biến thành chợ cóc hoặc nơi kinh doanh vật liệu xây dựng... Tình trạng trên gây mất an toàn cho giao thông đường sắt, nguy hiểm cho chính tính mạng của người dân./.

**Câu 1. Thời gian gần đây, trên đường phố nơi tôi sinh sống, mỗi buổi sáng, người dân tụ tập trên hè phố rất đông để họp chợ, mua bán hàng. Thậm chí một số người còn đặt biển hiệu, bàn ghế trên hè phố gây cản trở cho người đi bộ. Khi được tổ trưởng tổ dân phố nhắc nhở thì những người dân đó phản hồi rằng: hè phố là nơi thích hợp để buôn bán; nếu như việc buôn bán không lấn xuống lòng đường, không ảnh hưởng đến xe cộ đi lại thì không phải là vi phạm pháp luật. Xin hỏi ý kiến này có chính xác không?**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 35, 36, Luật Giao thông đường bộ thì lòng đường và hè phố chỉ được sử dụng cho mục đích giao thông. Một số hoạt động khác như hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội chỉ được tổ chức trên đường phố khi có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

Mọi hành vi sử dụng hè phố trái phép sau đây đều bị pháp luật nghiêm cấm:

* Họp chợ, mua, bán hàng hóa trên đường bộ;
* Tụ tập đông người trái phép trên đường bộ;
* Thả rông súc vật trên đường bộ;
* Phơi thóc, lúa, rơm rạ, nông sản hoặc để vật khác trên đường bộ;
* Đặt biển quảng cáo trên đất của đường bộ;
* Lắp đặt biển hiệu, biển quảng cáo hoặc thiết bị khác làm giảm sự chú ý, gây nhầm lẫn nội dung biển báo hiệu hoặc gây cản trở người tham gia giao thông;
* Che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông;
* Sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy;
* Đổ rác hoặc phế thải không đúng nơi quy định;
* Xây, đặt bục, bệ trái phép trên đường.
* Hành vi khác gây cản trở giao thông.

Như vậy, ý kiến của người dân nói trên là không chính xác. Hè phố là một bộ phận của đường bộ, có ý nghĩa lớn đối với việc lưu thông và bảo đảm an toàn giao thông đường bộ. Hành vi tụ tập đông người, họp chợ, mua bán hàng hóa, đặt biển quảng cáo gây cản trở giao thông là hành vi vi phạm pháp luật và có thể bị xử lý vi phạm hành chính.

**Câu 2. Anh Nguyễn Văn Nam đi xe máy trên quốc lộ 5, đoạn đường đi qua thành phố Hải Dương. Mặc dù đã nhìn thấy biển báo hiệu “Bắt đầu khu vực đông dân cư” khi bắt đầu vào thành phố Hải Dương nhưng anh Nam nghĩ rằng mình đang lưu thông trên đường quốc lộ nên chỉ cần tuân thủ quy định về tốc độ trên đường quốc lộ thôi nên vẫn giữ nguyên tốc độ là 60km/h. Sau đó, do sơ suất nên anh Nam đã va chạm với anh Bắc. Hai bên xảy ra xô xát, anh Bắc cho rằng lý do xảy ra tai nạn là do anh Nam đã vượt quá tốc độ tối đa cho phép. Xin hỏi: trong trường hợp này anh Nam có vượt quá tốc độ tối đa cho phép hay không?**

Trả lời:

Luật giao thông đường bộ quy định người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường.

Đường bộ trong khu vực đông dân cư là đoạn đường bộ nằm trong khu vực nội thành phố, nội thị xã và những đoạn đường bộ từ vị trí đặt biển báo hiệu "Bắt đầu khu đông dân cư" đến vị trí đặt biển báo hiệu "Hết khu đông dân cư".

Theo thông tư số 13/2009/TT-BGTVT của Bộ giao thông vận tải thì trong khu vực đông dân cư, người tham gia giao thông bắt buộc phải tuân thủ quy định về tốc độ tối đa như sau:

* Đối với xe ô tô chở người đến 30 chỗ ngồi; ô tô tải có trọng tải dưới 3.500kg thì tốc độ tối đa là 50 km/h.
* Đối với xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; ô tô tải có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; ô tô sơ mi rơ moóc; ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác; ô tô chuyên dùng; xe mô tô; xe gắn máy thì tốc độ tối đa là 40km/h;

Đối với trường hợp của anh Nam, mặc dù đang lưu thông trên đường quốc lộ, nhưng khi đi qua khu vực đông dân, anh có trách nhiệm phải tuân thủ quy định về tốc độ tối đa trong khu đông dân cư. Như vậy, anh Nam chỉ được phép đi mô tô với tốc độ tối đa là 40km/h. Việc anh đi với tốc độ 60km/h đã vượt quá tốc độ tối đa cho phép.

**Câu 3. Cuối tháng 6, khi đang lưu thông trên đường tôi gặp anh M đi xe máy, phía sau chở hàng hóa rất cồng kềnh. Chiều rộng của khối hàng hóa vượt quá bề rộng của giá đèo hàng là 0,5 m; chiều dài vượt quá đuôi xe 1 m. Do khối hàng hóa rất to và nặng, ảnh hưởng đến việc lái xe nên anh M đã va chạm vào xe máy của tôi. Cho rằng anh M đã vi phạm pháp luật nên tôi yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, anh ta đã giải thích rằng việc xếp hàng hóa đó là đúng theo kích thước mà pháp luật quy định.**

**Xin hỏi: theo quy định pháp luật thì kích thước của hàng hóa, hành lý được phép xếp trên xe là bao nhiêu? Hành vi xếp hàng hóa nói trên có vi phạm pháp luật không?**

Trả lời:

Việc xếp hàng hóa trên xe khi lưu thông có ảnh hưởng rất lớn đến việc điều khiển xe và an toàn của những người tham gia giao thông khác. Theo quy định Khoản 1 Điều 20 Luật Giao thông đường bộ thì hàng hóa xếp trên xe phải gọn gàng, chằng buộc chắc chắn, không để rơi vãi dọc đường, không kéo lê hàng hóa trên mặt đường và không cản trở việc điều khiển xe. Khi xếp hàng hóa vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ, ban đêm hoặc khi trời tối phải có đèn đỏ báo hiệu.

Kích thước hàng hóa, hành lý được phép xếp trên xe mô tô, xe gắn máy được quy định tại Điều 18 Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT như sau:

Xe mô tô, xe gắn máy không được xếp hàng hóa, hành lý vượt quá bề rộng giá đèo hàng theo thiết kế của nhà sản xuất về mỗi bên 0,3 mét; vượt quá phía sau giá đèo hàng là 0,5 mét; chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt được xe chạy là 2,0 mét

Như vậy, kích thước hàng hóa mà anh M xếp trên xe vượt quá kích thước mà pháp luật quy định. Hành vi này là vi phạm pháp luật và bị xử phạt, cụ thể, theo quy định tại Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 34/2010/NĐ-CP thì hành vi xếp hàng hóa trên xe mô tô, xe gắn máy vượt quá giới hạn quy định sẽ bị xử phạt từ 100.000 đến 200.000 đồng.

**Câu 4. Anh K điều khiển xe ô tô đang lưu thông trên đường quốc lộ. Quan sát phía trước an toàn và có đủ điều kiện vượt, anh K báo hiệu để xin vượt. Tuy nhiên xe ô tô phía trước không nhường đường. Nhận thấy rằng không có chướng ngại vật bên phải nên anh K đã đánh xe về phía bên phải làn đường và vượt lên. Hỏi trong tình huống này, anh K hay lái xe phía trước đã vi phạm quy định của Luật an toàn giao thông đường bộ?**

Trả lời:

Trong trường hợp này, cả anh K và lái xe phía trước đều đã vi phạm Luật Giao thông đường bộ.

**\* Đối với xe xin vượt:**

Theo quy định tại Điều 14 Luật Giao thông đường bộ về nguyên tắc khi vượt xe, xe xin vượt phải vượt về bên trái làn đường, trừ các trường hợp sau:

- Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái;

- Khi xe điện đang chạy giữa đường;

- Khi xe chuyên dùng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái được.

Như vậy, việc anh K vượt bên phải khi không có các trường hợp ngoại lệ trên đã vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ. Với vi phạm này, anh K sẽ bị phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng (quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 34/2010/NĐ-CP) và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 30 ngày (quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 8 Nghị định số 34/2010/NĐ-CP).

**\* Đối với xe ô tô phía trước**

Đối với lái xe phía trước, trong quá trình tham gia giao thông, khi xe phía sau có tín hiệu xin vượt trước nếu đủ điều kiện an toàn, người điều khiển phương tiện phía trước có nghĩa vụ phải giảm tốc độ, đi sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây trở ngại đối với xe xin vượt (Khoản 3 Điều 14 Luật giao thông đường bộ). Như vậy, với việc không nhường đường mặc dù không có chướng ngại vật gây cản trở việc vượt xe, lái xe phía trước cũng đã vi phạm quy định của Luật Giao thông đường bộ.

Hành vi không nhường đường cho xe xin vượt trước khi có đủ điều kiện an toàn của lái xe phía trước sẽ bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng (quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ).

**Câu 5. Trách nhiệm của công dân khi xảy ra tai nạn giao thông đường bộ được quy định như thế nào? Hành vi không cứu giúp người bị tai nạn giao thông có thể bị xử lý như thế nào?**

Trả lời:

***1. Trách nhiệm của công dân khi xảy ra tai nạn giao thông***

Theo quy định tại Điều 38 Luật Giao thông đường bộ, khi xảy ra tai nạn giao thông, cá nhân, cơ quan, tổ chức phải có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:

*\* Đối với người điều khiển phương tiện**và những người liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:*

- Dừng ngay phương tiện; giữ nguyên hiện trường; cấp cứu người bị nạn và phải có mặt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

- Ở lại nơi xảy ra tai nạn cho đến khi người của cơ quan công an đến, trừ trường hợp người điều khiển phương tiện cũng bị thương phải đưa đi cấp cứu hoặc phải đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc vì lý do bị đe dọa đến tính mạng, nhưng phải đến trình báo ngay với cơ quan công an nơi gần nhất;

- Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn cho cơ quan có thẩm quyền.

*\* Đối với những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây*:

- Bảo vệ hiện trường;

- Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;

- Báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;

- Bảo vệ tài sản của người bị nạn;

- Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

*\* Đối với người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn*: có trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu. Các xe được quyền ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự không bắt buộc thực hiện quy định tại khoản này.

***2. Hành vi không cứu giúp người bị tai nạn giao thông tùy theo hậu quả sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý như sau:***

*\* Trách nhiệm  hành chính:*

Theo quy định của Điểm đ Khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP  thì hành vi không cứu giúp người bị tai nạn giao thông khi có yêu cầu sẽ bị phạt tiền từ 500.000 - 1.000.000 đồng.

*\* Trách nhiệm hình sự*

Theo quy định của Điều 102 Bộ Luật Hình Sự thì người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

Người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt từ một năm đến năm năm:

- Người không cứu giúp là người đã vô ý gây ra tình trạng nguy hiểm;

- Người không cứu giúp là người mà theo pháp luật hay nghề nghiệp có nghĩa vụ phải cứu giúp.

Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

**Câu 6. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông và tín hiệu đèn giao thông đường bộ được quy định như thế nào? Trong trường hợp hiệu lệnh của người điều khiển giao thông mâu thuẫn với tín hiệu đèn giao thông thì phải chấp hành như thế nào?**

Trả lời:

**\* Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông:**

*Người điều khiển giao thông* là cảnh sát giao thông; người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông tại nơi thi công, nơi ùn tắc giao thông, ở bến phà, tại cầu đường bộ đi chung với đường sắt.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật giao thông đường bộ, hiệu lệnh của người điều khiển giao thông quy định như sau:

- Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại;

- Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

- Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điểu khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

**\* Tín hiệu đèn giao thông:**

Tín hiệu đèn giao thông có ba màu, được quy định như sau:

- Tín hiệu xanh là được đi;

- Tín hiệu đỏ là cấm đi;

- Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường.

**\* Theo quy định tại Khoản 2, Điều 11, Luật Giao thông đường bộ thì trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa hiệu lệnh của người điều khiển giao thông và tín hiệu đèn giao thông** thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

**Câu 7. Anh C thường xuyên lái xe máy có đội mũ bảo hiểm nhưng cài quai ra phía sau gáy. Một lần, anh bị cảnh sát giao thông phát hiện và yêu cầu anh nộp phạt về hành vi này. Tuy nhiên, anh C cho rằng việc đội mũ bảo hiểm của mình như thế là không vi phạm pháp luật, anh C không đồng ý với quyết định xử phạt của cảnh sát giao thông. Xin hỏi hành vi cài quai mũ bảo hiểm ra phía sau gáy có phải là vi phạm pháp luật không?**

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 30, Luật Giao thông đường bộ thì người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

Như vậy, những người đội mũ bảo hiểm không cài quai hoặc cài quai phía sau gáy không đúng quy cách thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, cần phải bị xử phạt nghiêm minh.

Hành vi của anh C là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính.

Theo điểm i, điểm k, Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 34/2010/NĐ-CP, thì những hành vi sau đây sẽ bị xử phạt từ 100.000 đến 200.000 đồng:

- Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Chở người ngồi trên xe không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

**Câu 8. Khi hai phương tiện giao thông đường thủy đi đối hướng nhau và có nguy cơ va chạm thì người điều khiển phương tiện phải tránh và nhường đường theo các nguyên tắc nào?**

Trả lời:

Theo Điều 39, Luật Giao thông đường thủy nội địa, khi hai phương tiện giao thông đường thủy đi đối hướng nhau và có nguy cơ va chạm thì người điều khiển phương tiện phải tránh và nhường đường theo các nguyên tắc sau:

- Phương tiện đi ngược nước phải tránh và nhường đường cho phương tiện đi xuôi nước. Trường hợp nước đứng, phương tiện nào phát tín hiệu xin đường trước thì phương tiện kia phải tránh và nhường đường;

- Phương tiện thô sơ phải tránh và nhường đường cho phương tiện có động cơ, phương tiện có động cơ công suất nhỏ hơn phải tránh và nhường đường cho phương tiện có động cơ công suất lớn hơn, phương tiện đi một mình phải tránh và nhường đường cho đoàn lai;

- Mọi phương tiện phải tránh bè và tránh phương tiện có tín hiệu mất chủ động, phương tiện bị nạn, phương tiện đang thực hiện nghiệp vụ trên luồng.

Khi tránh nhau, phương tiện được nhường đường phải chủ động phát tín hiệu điều động theo quy định và đi về phía luồng đã báo, phương tiện kia phải tránh và nhường đường.

Các tín hiệu điều động được quy định như sau (Điều 46, Luật Giao thông đường thủy nội địa):

- Khi cần đổi hướng đi, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải phát âm hiệu điều động phương tiện mà mình đang điều khiển như sau:

+ Một tiếng ngắn là tín hiệu đổi hướng đi sang phải;

+ Hai tiếng ngắn là tín hiệu đổi hướng đi sang trái;

+ Ba tiếng ngắn là tín hiệu chạy lùi.

- Ngoài những âm hiệu quy định, phương tiện có thể đồng thời phát đèn hiệu như sau:

+ Một chớp đèn là tín hiệu đổi hướng đi sang phải;

+ Hai chớp đèn là tín hiệu đổi hướng đi sang trái.

**Câu 9. Khi một phương tiện giao thông đường thủy muốn vượt phương tiện giao thông đường thủy khác thì phải thực hiện theo các nguyên tắc nào?**

Trả lời:

***\* Theo quy định tại Điều 42, Luật giao thông đường thủy nội địa thì phương tiện giao thông đường thủy không được vượt phương tiện khác trong các trường hợp sau đây:***

- Nơi có báo hiệu cấm vượt;

- Phía trước có phương tiện đi ngược lại hay có vật chướng ngại;

- Nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp hoặc có báo hiệu chiều rộng luồng hạn chế;

- Khi đi qua khoang thông thuyền của cầu, cống, âu tàu, khu vực điều tiết giao thông;

- Trường hợp khác không bảo đảm an toàn.

***\* Khi có đủ điều kiện để vượt, các phương tiện giao thông đường thủy thực hiện vượt theo các nguyên tắc sau đây:***

- Phương tiện xin vượt phải phát âm hiệu một tiếng dài, lặp lại nhiều lần;

- Phương tiện bị vượt, khi nghe thấy âm hiệu xin vượt, nếu thấy an toàn phải giảm tốc độ và phát âm hiệu điều động sang trái hoặc sang phải theo quy định và đi về phía luồng đã báo cho đến khi phương tiện xin vượt đã vượt qua; nếu không thể cho vượt thì phát âm hiệu 5 tiếng ngắn;

- Phương tiện xin vượt, khi nghe thấy âm hiệu điều động của phương tiện bị vượt thì mới được vượt; khi vượt phải phát âm hiệu báo phía vượt của mình và phải giữ khoảng cách ngang an toàn với phương tiện bị vượt.

**Câu 10. Hiện nay, có nhiều bến thủy nội địa hoạt động không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng giấy phép đã hết hạn, từ đó dẫn đến cơ sở vật chất của các bến thủy nội địa không đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Những hoạt động này đã ảnh hưởng rất lớn đến trật tự an toàn giao thông đường thủy, gây khó khăn cho hoạt động quản lý. Xin hỏi: những hành vi vi phạm nói trên có thể bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời:

Bến thuỷ nội địa là vị trí độc lập được gia cố để phương tiện neo đậu, xếp, dỡ hàng hoá, đón, trả hành khách. Bến thuỷ nội địa bao gồm bến công cộng và bến chuyên dùng.

Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định: việc xây dựng bến thuỷ nội địa phải phù hợp với quy hoạch và bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật. Tổ chức, cá nhân khi lập dự án xây dựng cảng, bến thuỷ nội địa phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thuỷ nội địa. Bến thuỷ nội địa chỉ được hoạt động khi bảo đảm các tiêu chuẩn quy định và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Theo quy định tại Nghị định số 60/2011/NĐ-CP thì những hành vi khai thác bến thủy nội địa không đúng quy định pháp luật sẽ bị xử phạt như sau:

***\* Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:***

- Không có bảng nội quy đối với bến thủy nội địa phải có bảng nội quy theo quy định; bến khách không có bảng niêm yết giá vé theo quy định;

- Không bố trí, bố trí không đầy đủ hoặc không đảm bảo điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nhà chờ cho hành khách;

- Bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

***\* Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:***

- Khai thác bến quá phạm vi vùng nước hoặc khai thác quá thời hạn cho phép; tự ý thay đổi kết cấu, kích thước của bến so với quy định trong giấy phép hoạt động;

- Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

- Sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định;

- Để hành khách xuống phương tiện quá sức chở của phương tiện hoặc xếp hàng hóa xuống phương tiện quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện;

- Xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi phương tiện chưa được phép vào bến;

- Tiếp nhận phương tiện có mớn nước hoặc kích thước lớn hơn so với quy định trong giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

***\* Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đưa bến thủy nội địa vào hoạt động mà không có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền./.***

**Câu 1: Theo quy định của pháp luật, hoạt động giao thông đường bộ phải bảo đảm những nguyên tắc nào?**

Theo quy định tại Điều 4 Luật giao thông đường bộ năm 2008, những nguyên tắc trong hoạt động giao thông đường bộ bao gồm:

- Thứ nhất: Hoạt động giao thông đường bộ phải bảo đảm thông suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

- Thứ hai : Phát triển giao thông đường bộ phải gắn với quy hoạch, từng bước hiện đại và đồng bộ; gắn kết phương thức vận tải đường bộ với các phương thức vận tải khác như vận tải đường thủy, đường sắt…

- Thứ ba: Quản lý hoạt động giao thông đường bộ được thực hiện thống nhất trên cơ sở phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn cụ thể, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp.

- Thứ tư: Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm không chỉ của các cơ quan mà còn là của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội.

- Thứ năm: Người tham gia giao thôngđường bộ phải có ý thức tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành quy tắc giao thông, giữ gìn an toàn cho mình và cho người khác. Chủ phương tiện và người điều khiển phương tiện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo đảm an toàn của phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

- Thứ sáu: Mọi hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Theo đó, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra, chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; và nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật

**Câu 2: Do thiếu quan sát trong khi lái xe nên A đã để xe đâm phải một đoàn xe đang đi rước dâu. Sau khi gây tai nạn, A thấy những người còn lại trong đoàn rước dâu cầm gạch đá, hò hét đòi xử lý mình. Do lo sợ, A đã bỏ xe và chạy khỏi hiện trường nhưng sau đó đã tới cơ quan công an nơi gần nhất để trình báo. Vậy hành vi bỏ trốn của A có bị coi là hành vi bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm (quy định tại Khoản 17 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008) không?**

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 38 Luật giao thông đường bộ năm 2008 có quy định người điều khiển phương tiện và người liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây

“*b) Ở lại nơi xảy ra tai nạn cho đến khi người của cơ quan công an đến, trừ trường hợp người điều khiển phương tiện cũng bị thương phải đưa đi cấp cứu hoặc phải đưa người bị nạn đi cấp cứu**hoặc vì lý do bị đe dọa đến tính mạng, nhưng phải đến trình báo ngay với cơ quan công an nơi gần nhất*”

Như vậy, có thể thấy, Luật giao thông đường bộ năm 2008 cho phép người điều khiển phương tiên gây tại nạn rời khỏi hiện trường vụ tai nạn trong các trường hợp sau:

* Người điều khiển phương tiện gây tai nạn bị thương phải đưa đi cấp cứu;
* Người điều khiển phương tiên gây tai nạn phải đưa người bị nạn đi cấp cứu;
* Người điều khiển phương tiện bỏ đi vì lý do bị đe dọa đến tính mạng.

Lưu ý, trong các trường hợp này người điều khiển phương tiện phải đến trình báo ngay với cơ quan công an nơi gần nhất.

Như vậy, trong trường hợp của anh A do lo sợ bị những người trong đoàn rước dâu dọa đánh và xử lý mình nên anh A mới bỏ xe và trốn khỏi hiện trường. Sau đó, anh A cũng đã tới trình báo tại trụ sở công an nơi gần nhất. Vì thế, hành vi của anh A không bị coi là hành vi bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm (quy định tại Khoản 17 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008).

**Câu 3: Đề nghị cho biết hệ thống báo hiệu đường bộ được quy định như thế nào trong Luật giao thông vận tải?**

Theo Điều 10 Luật giao thông đường bộ năm 2008 thì hệ thống báo hiệu đường bộ bao gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, tín hiệu đèn giao thông,biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

Trong đó, hiệu lệnh của người điều khiển giao thông bao gồm:

- Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại;

- Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

- Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điểu khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

Đối với tín hiệu đèn giao thông, pháp luật quy định có ba mầu, quy định cụ thể như sau:

- Tín hiệu xanh là được đi;

- Tín hiệu đỏ là cấm đi;

- Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường.

Đối với biển báo hiệu đường bộ, Luật giao thông đường bộ chia thành năm nhóm, được quy định cụ thể như sau:

- Biển báo cấm để biểu thị các điều cấm;

- Biển báo nguy hiểm để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra;

- Biển hiệu lệnh để báo cáo hiệu lệnh phải thi hành;

- Biển chỉ dẫn để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần biết;

- Biển phụ để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.

Vạch kẻ đường là vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại.

Cọc tiêu hoặc tường bảo vệ được đặt ở mép các đoạn đường nguy hiểm để hướng dẫn cho người tham gia giao thông biết phạm vi an toàn của nền đường và hướng đi của đường.

Rào chắn được đặt ở nơi đường bị thắt hẹp, đầu cầu, đầu cống, đầu đoạn đường cấm, đường cụt không cho xe, người qua lại hoặc đặt ở những nơi cần điều khiển, kiểm soát sự đi lại.

Việc chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ sẽ tuân theo những quy tắc sau: (Điều 11 Luật giao thông đường bộ năm 2008)

- Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ.

- Khi có người điều khiển giao thông thì người tham gia giao thông thì người tham gia giao thông phải ưu tiên chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông so với các hệ thống báo hiệu khác.

- Tại nơi có biển báo hiệu cố định lại có báo hiệu tạm thời thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của báo hiệu tạm thời.

- Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường. Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

**Câu 4: Các phương tiện tham gia giao thông khi muốn vượt phương tiện khác phải tuân thủ theo quy tắc nào?**

Các phương tiện tham gia giao thông khi muốn vượt phương tiện khác phải tuân thủ quy tắc sau (Điều 14 Luật giao thông đường bộ năm 2008):

- Đối với xe xin vượt thì khi vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi cho xe phía trước biết; trường  hợp trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ thì chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải. Khi vượt, các xe phải vượt về bên trái, trừ các trường hợp sau đây thi được phép vượt bên phải

    + Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái;

    + Khi xe điện đang chạy giữa đường;

    + Khi xe chuyên dùng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái được.

Ngoài ra, không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

    + Không bảo đảm các điều kiện như không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chay trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải;

    + Trên cầu hẹp có một làn xe;

    + Đường vòng, đầu dốc và các vị trí có tầm nhìn hạn chế;

    + Nơi đường giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt (ở đây được hiểu là nơi hai hay nhiều đường bộ gặp nhau trên cùng một mặt phẳng hoặc nơi đường bộ và đường sắt gặp nhau trên cùng một mặt phẳng, gồm cả mặt bằng hình thành vị trí giao nhau đó);

    + Khi điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt;

    + Xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

- Đối với xe phía trước, khi có xe xin vượt, nếu đủ điều kiện an toàn, người điều khiển phương tiện phía trước phải giảm tốc độ, đi sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây trở ngại đối với xe xin vượt.

**Câu 5: Khi muốn dừng xe, đô xe, để bảo đảm an toàn giao thông, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải tuân thủ những quy tắc nào?**

*Dừng xe*là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên, xuống phương tiện, xếp dỡ hàng hóa hoặc thực hiện công việc khác.

*Đỗ xe*là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông không giới hạn thời gian.

Để đảm bảo an toàn giao thông, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ phải thực hiện các quy định sau đây (Khoản 3 Điều 18 Luật giao thông đường bộ):

- Có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết;

- Cho xe dừng, đỗ ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy (được hiểu là một phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông qua lại); trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải cho xe dừng, đỗ sát mép đường phía bên phải theo chiều đi của mình;

- Trường hợp trên đường đã xây dựng nơi dừng xe, đỗ xe hoặc quy định các điểm dừng xe, đỗ xe thì phải dừng, đỗ xe tại các vị trí đó;

- Sau khi đỗ xe, chỉ được rời khỏi xe khi đã thực hiện các biện pháp an toàn; nếu xe đỗ chiếm một phần đường xe chạy phải đặt ngay biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết;

- Không mở cửa xe, để cửa xe mở hoặc bước xuống xe khi chưa bảo đảm điều kiện an toàn;

- Khi dừng xe, không được tắt máy và không được rời khỏi vị trí lái;

- Xe đỗ trên đoạn đường dốc phải được chèn bánh.

Người điều khiển phương tiện cũng không được dừng xe, đỗ xe tại các vị trí được quy định theo khoản 4 Điều 18 Luật giao thông đường bộ:

- Bên trái đường một chiều;

- Trên các đoạn đường cong và gần đầu dốc tầm nhìn bị che khuất;

- Trên cầu, gầm cầu vượt;

- Song song với một xe khác đang dừng, đỗ;

- Trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường;

- Nơi đường giao nhau và trong phạm vi 5 mét tính từ mép đường giao nhau;

- Nơi dừng của xe buýt;

- Trước cổng và trong phạm vi 5 mét hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức;

- Tại nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe;

- Trong phạm vi an toàn của đường sắt;

- Che khuất biển báo hiệu đường bộ.

Ngoài ra, đối với giao thông trong các khu đô thi do đặc thù thường có mật độ phương tiện tham gia giao thông lớn, có nhiều công trình đường bộ… dễ xảy ra nguy cơ ùn tắc nên ngoài những quy định khi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ (quy định tại Điều 18 Luật giao thông đường bộ) thì người điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên đường phố (đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố) còn phải tuân theo các quy định sau (Điều 19 Luật giao thông đường bộ):

- Phải cho xe dừng, đỗ sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình;bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét và không gây cản trở, nguy hiểm cho giao thông.Trường hợp đường phố hẹp, phải dừng xe, đỗ xe ở vị trí cách xe ô tô đang đỗ bên kia đường tối thiểu 20 mét.

- Không được dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện,trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước. Không được để phương tiện giao thông ở lòng đường, hè phố trái quy định.

**Câu 6: Khi tham gia giao thông trên đường cao tốc, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải tuân thủ những quy tắc nào?**

Với mục đích rút ngắn thời gian hành trình này, người tham gia giao thông trên đường cao tốc được phép chạy với tốc độ cao so với các loại đường khác. Do đó, khi tham gia giao thông trên đường cao tốc, người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng ngoài tuân thủ các quy tắc giao thông chung còn phải thực hiện các quy tắc sau đây: (Điều 26 Luật giao thông đường bộ năm 2008)

- Khi vào đường cao tốc phải có tín hiệu xin vào và phải nhường đường cho xe đang chạy trên đường, khi thấy an toàn mới cho xe nhập vào dòng xe ở làn đường sát mép ngoài, nếu có làn đường tăng tốc thì phải cho xe chạy trên làn đường đó trước khi vào làn đường của đường cao tốc;

- Khi ra khỏi đường cao tốc phải thực hiện chuyển dần sang làn đường phía bên phải, nếu có làn đường giảm tốc thì phải cho xe chạy trên làn đường đó trước khi rời khỏi đường cao tốc;

- Không được cho xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp và phần lề đường;

- Không được cho xe chạy quá tốc độ tối đa và dưới tốc độ tối thiểu ghi trên biển báo hiệu, sơn kẻ trên mặt đường.

- Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùngphải cho xe chạy cách nhau một khoảng cách an toànghi trên biển báo hiệu.

- Chỉ được dừng xe, đỗ xe ở nơi quy định; trường hợp buộc phải dừng xe, đỗ xe không đúng nơi quy định thì người lái xe phải đưa xe ra khỏi phần đường xe chạy, nếu không thể được thì phải báo hiệu để người lái xe khác biết.

- Người đi bộ, xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô và máy kéo; xe máy chuyên dùng có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 70 km/h không được đi vào đường cao tốc, trừ người, phương tiện, thiết bị phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

**Câu 7: Nhân dịp sinh nhật lẫn thứ 19 và để chúc mừng thi đỗ đại học,  chị Thúy được bố mua tặng một chiếc xe máy Atila có dung tích xilanh là 111 cm3 để­­­­­­­ đi học. Trong trường hợp này, để được tham gia giao thông an toàn đúng quy định của pháp luật thì chị Thúy cần phải đáp ứng những điều kiện gì?**

Trong trường hợp này, để được điều khiển xe máy đi học chị Thúy phải đáp ứng các điều kiện của người điều khiển xe cơ giới (hay còn gọi là người lái xe) khi tham gia giao thông quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể như sau: “*Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khoẻ quy định tại Điều 60 của Luật này và**có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.*”

Theo đó, chị Thúy muốn tham gia giao thông phải đáp ứng hai điều kiện:

* Thứ nhất là về độ tuổi và sức khỏe;
* Thứ hai là phải có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

*Đối với điều kiện về độ tuổi và sức khỏe của người lái xe*

Trong các phương tiện tham gia giao thông đường bộ, xe cơ giới là phương tiện có tốc độ cao, khả năng vận chuyển lớn so với các phương tiện khác. Do đó, khi xảy ra tai nạn giao thông, thiệt hại mà loại phương tiện này gây ra là rất to lớn cả về người và của. Để hạn chế tai nạn giao thông do loại phương tiện này có thể gây ra, các nhà làm luật đã đặt ra các điều kiện về tuổi và sức khỏe của người điều khiển loại phương tiện với mong muốn tạo ra một giới hạn mà theo đó bảo đảm người lái xe phải có khả năng điều khiển hành vi và xử lý tình huống nhất định khi sử dụng phương tiện này tham gia giao thông.

Chị Thúy là người đủ 18 tuổi do đó theo Điểm b Khoản 1 Điều 60 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: “*b) Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm3 trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;”.*Như vậy, về độ tuổi chị Thúy đã bảo đảm các điều kiện để sử dụng xe Atila có dung tích xi-lanh là 110 cm3.

Về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, Khoản 2 Điều 60 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: “*2. Người lái xe phải có sức khỏe phù hợp với loại xe, công dụng của xe. Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khoẻ của người lái xe.”*. Trên thực tế, các nhà làm luật hiện nay vẫn chưa đưa ra một tiêu chuẩn sức khỏe cụ thể, phù hợp với thực tế tại Việt Nam, bảo đảm tính khoa học. Tuy nhiên, đối với trường hợp chị Thúy là người hoàn toàn khỏe mạnh, không có khuyết tật gì do đó chị Thúy hoàn toàn có đủ sức khỏe để tham gia giao thông.

*Đối với điều kiện về giấy phép lái xe*

 Giấy phép lái xe là chứng chỉ cấp cho người điều khiển xe cơ giới (người lái xe) để được phép lái một hoặc một số loại xe cơ giới.

Căn cứ vào kiểu loại, công suất động cơ, tải trọng và công dụng của xe cơ giới, giấy phép lái xe được phân thành giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.

Trong trường hợp của chị Thúy, chị phải đăng ký thi lấy giấy phép lái xe hạng A1 (cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm3 đến dưới 175 cm3) hoặc các hạng cao hơn để có thể tham gia giao thông. Giấy phép lái xe này không có thời hạn và có giá trị sử dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và lãnh thổ của nước hoặc vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký cam kết công nhận giấy phép lái xe của nhau.

**Câu 8: Ông Đ là chủ một doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo nh`ỏ. Do làm ăn có lãi nên ông Đ mua một chiếc xe ô tô để tiện việc đi lại và phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Để ông Đ có thể sử dụng chiếc xe ô tô này tham gia giao thông thì chiếc xe phải đáp ứng các điều kiện nào?**

Đối với xe ô tô ngoài việc phải bảo đảm đúng kiểu loại được phép tham gia giao thông còn phải bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Luật giao thông đường bộ cụ thể là:

- Có đủ hệ thống hãm có hiệu lực;

- Có hệ thống chuyển hướng có hiệu lực;

- Tay lái của xe ô tô ở bên trái của xe; trường hợp xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam thì phải đáp ứng các điều kiện sau để được tham gia giao thông tại Việt Nam (Điều 3 Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01/10/2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam):

           + Phải là xe ô tô chở người;

           + Xe ô tô phải thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài, đã được đăng ký và gắn biển số nước ngoài;

           + Xe ô tô phải có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký xe cấp và còn hiệu lực.

           + Người lái xe phải là người có quốc tịch của quốc gia thực hiện quy tắc giao thông đi bên trái và vượt xe về bên phải, có Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe điều khiển.

           + Có văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép xe ô tô được phép tham gia giao thông.

- Có đủ đèn chiếu sáng gần và xa, đèn soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu;

- Có bánh lốp đúng kích cỡ và đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại xe;

- Có đủ gương chiếu hậu và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm tầm nhìn cho người điều khiển;

- Kính chắn gió, kính cửa là loại kính an toàn;

- Có còi với âm lượng đúng quy chuẩn kỹ thuật;

- Có đủ bộ phận giảm thanh, giảm khói và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm khí thải, tiếng ồn theo quy chuẩn môi trường;

- Các kết cấu phải đủ độ bền và bảo đảm tính năng vận hành ổn định.

Ngoài các điều kiện trên, xe ô tô muốn tham gia giao thông thì phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Theo đó, xe cơ giới có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật giao thông đường bộ năm 2008 thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký và biển số.

Điều 55 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định về việc bảo đảm quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ như sau:

“*1. Việc sản xuất, lắp ráp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng và nhập khẩu xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ phải tuân theo quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Không được cải tạo các xe ô tô khác thành xe ô tô chở khách.*

*2. Chủ phương tiện không được tự thay đổi kết cấu, tổng thành, hệ thống của xe không đúng với thiết kế của nhà chế tạo hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.*

*3. Xe ô tô và rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô tham gia giao thông đường bộ phải được kiểm tra định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là kiểm định).*

*4. Người đứng đầu cơ sở đăng kiểm và người trực tiếp thực hiện việc kiểm định phải chịu trách nhiệm về việc xác nhận kết quả kiểm định.*

*5. Chủ phương tiện, người lái xe ô tô chịu trách nhiệm duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện theo tiêu chuẩn quy định khi tham gia giao thông đường bộ giữa hai kỳ kiểm định.*

*6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, tiêu chuẩn và cấp giấy phép cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; quy định và tổ chức thực hiện kiểm định xe cơ giới. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định và tổ chức**kiểm định xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.”*

Cuối cùng, xe ô tô muốn tham gia giao thông phải còn niên hạn sử dụng. Niên hạn sử dung ô tô được quy định tại Điều 4 Nghị định 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người, cụ thể như sau:

*“1. Không quá 25 năm đối với xe ô tô chở hàng.*

*2. Không quá 20 năm đối với xe ô tô chở người.*

*3. Không quá 17 năm đối với xe ô tô chuyển đổi công năng từ các loại xe khác thành xe ô tô chở người trước ngày 01 tháng 01 năm 2002.”*

Thời điểm tính niên hạn sử dụng được tính bắt đầu từ năm sản xuất xe. Một số trường hợp đặc biệt khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép, niên hạn sử dụng được tính từ năm đăng ký xe ô tô lần đầu.

**Câu 9: Người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông phải đáp ứng các điều kiện nào?**

*Xe máy chuyên dùng* gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.

Khoản 1 Điều 62 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định người điều khiển một trong các loại xe trên khi tham gia giao thông ngoài các điều kiện về độ tuổi, và sức khỏe phù hợp với ngành nghề lao động, người điều khiển xe máy chuyên dùng còn cần phải có

- Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ,

- Bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng cấp.

Trường hợp người điều khiển xe máy chuyên dùng có giấy phép lái xe ôtô thì giấy phép lái xe ôtô đó thay thế Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Khoản Điều 8 Thông tư số 09/2009/TT-BGTVT ngày 24/06/2009 quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ).

**Câu 10: Người điều khiển xe thô sơ khi tham gia giao thông phải đáp ứng các điều kiện gì?**

*Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ* (còn gọi là xe thô sơ) gồm xe đạp (kể cả xe đạp máy), xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe súc vật kéo và các loại xe tương tự (Khoản 19 Điều 3 Luật giao thông đường bộ).

Do đặc thù xe thô sơ là đơn giản, khả năng gây thiệt hại không lớn, do đó người điều khiển xe thô sơ khi tham gia giao thông chỉ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 63 Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể như sau:

- Có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn.

- Hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ.

**I.Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ**

**1.Hỏi: Hành vi không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm b, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt.

**2.Hỏi: Hành vi chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù) bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm g, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù).

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Thực hiện hành vi vi phạm trên mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**3.Hỏi: Hành vi không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ; hành vi chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm i, k, khoản 2, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

– Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ;

– Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.

**4. Hỏi: Hành vi chở theo từ 03 người trở lên trên xe bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm b, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi chở theo từ 03 người trở lên trên xe.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau:

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 1 tháng đến 3 tháng.

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**5. Hỏi: Hành vi bấm còi, rú ga (nẹt pô) liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm c, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi bấm còi, rú ga (nẹt pô) liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Thực hiện hành vi vi phạm trên mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**6. Hỏi: Hành vi không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông; không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm e, g, khoản 4, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi sau:

-Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;

-Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau:

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 1 tháng đến 3 tháng.

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**7. Hỏi: Hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm c, khoản 6, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng.

**8.Hỏi: Hành vi điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm b, khoản 8, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng; tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần hành vi trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng, tịch thu phương tiện.

**9. Hỏi: Người đang điều khiển xe hoặc chở người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác vật cồng kềnh; chở người đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm k, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người đang điều khiển xe hoặc chở người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác vật cồng kềnh; chở người đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Thực hiện hành vi vi phạm trên mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**10.Hỏi: Hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm a, khoản 4, Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h.

**II.Xử phạt người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ**

**1. Hỏi: Hành vi không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định; Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm a, b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

– Không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định;

– Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước.

**2.Hỏi: Hành vi dùng xe đẩy làm quầy hàng lưu động trên đường, gây cản trở giao thông bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm m, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi dùng xe đẩy làm quầy hàng lưu động trên đường, gây cản trở giao thông.

**3.Hỏi: Hành vi không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông; Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm b, đ, khoản 2, Điều 8 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau: không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông; Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông.

**4. Hỏi: Người điều khiển xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm d, khoản 3, Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ.

**5. Hỏi: Hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm d, khoản 4, Điều 8 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ.

**III. Xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ**

**1.Hỏi: Anh A dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe ô tô chạy trên đường. Hỏi hành vi của anh A bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm a, khoản 4, Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe chạy trên đường.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm trên còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau:

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 1 tháng đến 3 tháng.

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng.

**2. Hỏi: Anh A có hành vi không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ. Hỏi hành vi của anh A bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm h, khoản 5, Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm trên còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau:

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 1 tháng đến 3 tháng.

+ Thực hiện hành vi vi phạm trên mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng

**3. Hỏi: Anh A điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở. Hỏi hành vi của Anh A bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời**:

Tại điểm c, khoản 6, Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau: Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng.

**4.Hỏi: Anh A gây tai nạn giao thông nhưng không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn. Hỏi hành vi của anh A bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?Trả lời:**

 Tại điểm b, khoản 8, Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

 Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 5 tháng đến 7 tháng.

**5.Hỏi: Anh A đang điều khiển xe ô tô đi trên đường. Cảnh sát giao thông đang thi hành nhiệm vụ yêu cầu Anh A dừng xe và kiểm tra nồng độ cồn; nhưng Anh A không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của Cảnh sát giao thông. Hành vi của Anh A bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm b, khoản 10, Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

 Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ.

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Thực hiện hành vi vi phạm trên thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng.

**III. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt**

**1.Hỏi:** **Hành vi phơi rơm, rạ, nông sản, để các vật phẩm khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm đ, khoản 1, Điều 49 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi phơi rơm, rạ, nông sản, để các vật phẩm khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác

Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Buộc phải đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác.

**2.Hỏi:** **Hành vi tự ý mở chắn đường ngang khi chắn đã đóng** **bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm c, khoản 3, Điều 49 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi tự ý mở chắn đường ngang khi chắn đã đóng.

Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Buộc phải đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác.

**3.Hỏi:** **Hành vi đổ, để rác thải sinh hoạt lên đường sắt hoặc xả rác thải sinh hoạt từ trên tàu xuống đường sắt** **bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại khoản 1, Điều 51 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

 Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân đổ, để rác thải sinh hoạt lên đường sắt hoặc xả rác thải sinh hoạt từ trên tàu xuống đường sắt.

Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau: Buộc phải đưa rác thải sinh hoạt ra khỏi đường sắt.

**4.Hỏi:** **Hành vi dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt** **bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm b, khoản 3, Điều 53 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm trên còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau: Buộc phải tháo dỡ, di chuyển lều, quán dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.

**5.Hỏi:** **Hành vi dựng biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm b, khoản 4, Điều 53 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định như sau:

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi dựng biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt

Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm trên còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau: Buộc phải tháo dỡ, di chuyển biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.